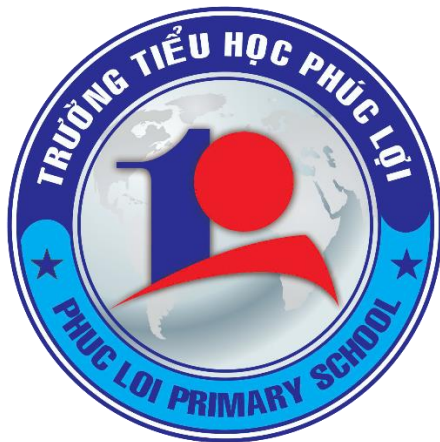


**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚC LỢI
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC LỢI**



**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY
TUẦN 27**

**Họ và tên giáo viên: CHU THỊ ĐÔNG
Lớp: 5A1**

Phó Hiệu trưởng ký duyệt

Tổ trưởng chuyên môn ký duyệt

Đào Thị Minh Hạnh

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Năm học 2025 - 2026

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được:

- Đọc đúng và diễn cảm được các văn bản được học; bước đầu biết nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng, thể hiện được cảm xúc qua giọng đọc.
- Bước đầu biết tóm tắt văn bản, nêu được chủ đề của văn bản.
- Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian và không gian được thể hiện trong bài thơ; nhận biết được nhân vật, bối cảnh, diễn biến và kết thúc trong câu chuyện.
- Nêu được tình cảm, suy nghĩ về văn bản, biết giải thích vì sao mình yêu thích văn bản, nêu được ý nghĩa của văn bản đối với bản thân hoặc cộng đồng, nêu được cách ứng xử của bản thân khi gặp tình huống tương tự như tình huống của nhân vật trong văn bản.

2. Học sinh vận dụng được:

- Phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển:

a. Năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

b. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, tích cực tham gia hoạt động chung.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động: *Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khởi động trước giờ học.	- GV giới thiệu bài hát “ Một vòng Việt Nam” Sáng tác: Đông Thiên Đức để khởi động bài học.	- HS lắng nghe bài hát.	Slide

	+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	- GV cùng trao đổi với HS về ND bài hát: + Lời bài hát nói lên điều gì? - GV nhận xét, tuyên dương. - Vậy ở học kì II, chúng ta đã được học những chủ điểm nào? => Những chủ điểm em vừa nhắc tới cũng chính là nội dung phần ôn tập trong tiết học hôm nay của chúng ta.	- HS trao đổi về ND bài hát với GV. + Ca ngợi đất nước, con người Việt Nam tươi đẹp, lam lũ, kiên cường đấu tranh, xây dựng đất nước và niềm tự hào dân tộc. - Vẻ đẹp cuộc sống: Hương sắc trăm miền. - HS lắng nghe. - HS trả lời	
25'	2. Luyện tập			
	Bài 1: *Mục tiêu: Đọc và nhớ lại được tên các nhân vật và câu chuyện đã được học trong 2 chủ đề.	Trò chơi: Tôi là ai? - GV chuẩn bị thẻ từ ghi 5 lời giới thiệu của nhân vật đính lên bảng. + Chuẩn bị các thẻ từ trống để HS viết tên nhân vật, tên câu chuyện (chia hai màu cho hai nhóm) + Nêu luật chơi: hai nhóm chơi, ghi tên nhân vật, tên câu chuyện vào thẻ trống và dán nhanh lên bảng. Nhóm nào dán nhanh và đúng sẽ thắng. - GV tổ chức cho Hs chơi trò chơi - Gv nhận xét, tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc.	- HS nghe - HS chơi trò chơi - HS nghe	Slide Thẻ từ
	Bài 2: *Mục tiêu: Nêu được nội dung chính và chủ đề của văn bản đã học.	- Nhắc lại tên các câu chuyện ở bài 1. - GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân rồi thảo luận nhóm 4 theo yêu cầu bài rồi ghi kết quả vào bảng nhóm. - GV yêu cầu học sinh chia sẻ kết quả thảo luận.	- HS nêu yêu cầu bài. - HS nêu. - HS tự chọn 1 câu chuyện rồi ghi lại nội dung vào vở nháp. - HS thảo luận nhóm chọn tên 1 câu chuyện rồi thống	Slide Bảng phụ

		- Con có nhận xét gì về các câu chuyện trên? - GV chốt: Những câu chuyện trên đều là những câu chuyện hay, nói về tình cảm giữa con người với con người và con người với thiên nhiên qua đó rút ra cho em nhiều bài học quý từ cuộc sống.	nhất nội dung bài ghi vào bảng nhóm. - HS chia sẻ bằng cách dán bảng nhóm trên bảng lớp. Mỗi nhóm cử 1 bạn chia sẻ, các bạn khác theo dõi , nhận xét. (chỉ dán những nhóm có nội dung khác nhau) - <i>Hộp quà màu thiên thanh</i> là câu chuyện kể với các bạn nhỏ trong một lớp học đã cùng nhau chuẩn bị một món quà vô cùng đặc biệt và ý nghĩa để tặng cô giáo. Đó là một chiếc hộp chứa những bức thư kể về kỉ niệm của các bạn nhỏ với cô. - <i>Giỏ hoa tháng Năm</i>: câu chuyện kể về một cô bé cảm thấy rất buồn vì người bạn thân của cô bé có thêm bạn mới, nhưng sau khi nghe lời khuyên của mẹ, cô bé đã tặng bạn thân một giỏ hoa vì nhận ra ai cũng cần có nhiều bạn bè. - <i>Khu rừng của Mát</i>: truyện kể về chàng thanh niên tên Mát đã vượt qua nỗi đau đớn mất mát vì trang trại của gia đình bị sét đánh cháy rụi để trồng lại cây cối, mang lại màu xanh cho trang trại. - <i>Tiếng hát của người đá</i>: câu chuyện cổ tích kể về tiếng hát của một người đá đã giúp đuổi muông thú phá lúa, khuyên nhủ giặc ngừng tay kiêu trở về sống bên gia đình,... để dân làng được sống yên vui.	
--	--	---	--	--

			- Những búp bê trên cây cổ thụ: câu chuyện kể về cậu bé Thảo A sùng với tình yêu, niềm tự hào và ước mơ mãnh liệt mà cậu đã dành cho sản vật quê hương mình những búp chè trên cây cổ thụ ở bản Tà Xùa. - HS trả lời.	
5'	3. Vận dụng trải nghiệm. *Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.	- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi: Nêu nội dung các bài đọc đã học từ đầu kì II để học sinh thi. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe và thực hiện.	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....
.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được:

- Phân biệt được câu đơn, câu ghép.
- Nhận biết được các vế trong câu ghép và các cách nối các vế câu ghép.
- Nhận biết và phân biệt được các biện pháp liên kết câu (lặp, thế, nối).

2. Học sinh vận dụng được:

- Vận dụng kiến thức đã học để thực hành liên kết câu, qua đó phát triển kĩ năng viết nói chung, kĩ năng tạo lập văn bản nói riêng.
- Nhận biết được quan hệ liên kết giữa các câu trong đoạn văn; biết dùng các từ ngữ nối để liên kết các câu trong đoạn văn.

3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển:

a. Năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm và viết được câu có sự liên kết phù hợp cho từng ngữ cảnh cụ thể.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

b. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động: *Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khởi động trước giờ học.	- GV đặt câu hỏi cho HS: Có những cách liên kết câu nào trong đoạn văn? - GV mời các nhóm chia sẻ kết quả. - GV nhận xét, đánh giá và gợi ý thêm: Có 3 cách liên kết câu:	- HS đọc câu hỏi. - HS trả lời. - HS lắng nghe và tiếp thu.	Slide

	+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	lập từ ngữ, từ ngữ nối, từ ngữ thay thế. - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới.	- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới.	
25'	2. Luyện tập			
	Bài 3: *Mục tiêu: Xác định đúng câu đơn, câu ghép và các vế của chúng.	- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ rồi làm vở hoặc phiếu bài tập. ⁽¹⁾ Mùa đông, rùa ngai rét. ⁽²⁾ Gió cứ thổi vù vù. ⁽³⁾ Rùa đợi đến mùa xuân. ⁽⁴⁾ Mùa xuân nhiều hoa, nhưng mùa xuân vẫn là đứa em của mùa đông. ⁽⁵⁾ Mùa phồn vinh cứ lai rai và gió bắc vẫn thút thít ở các khe núi. ⁽⁶⁾ Rùa lại đợi đến hè. ⁽⁷⁾ Mùa hè tạnh ráo. ⁽⁸⁾ Cây cối có nhiều quả chín thơm tho. ⁽⁹⁾ Nhưng cái nóng cứ hầm hập. ⁽¹⁰⁾ Cả ngày, bụi cuốn mịt mù. ⁽¹¹⁾ Hễ cơn đông đến thì đất đá lại như sôi lên, nước lũ đổ ào ào. (Theo Võ Quảng) - GV soi bài chữa, chốt kết quả. - Theo em, thế nào là câu đơn, thế nào là câu ghép? - Em hãy nêu cách xác định các vế câu ghép trong bài? - Vậy các vế của câu ghép thường nối với nhau bằng gì? => Qua bài 3, chúng ta đã ôn lại cách nhận biết câu đơn, câu ghép và cách nối giữa các vế câu. Bây giờ chúng ta tiếp tục ôn tập về câu ghép ở bài tập 4.	- HS làm bài. - Học sinh nhận xét bài làm của bạn và sửa lỗi nếu có. - Câu đơn: 1,2,3,6,7,8,9,10 - Câu ghép: 4,5,11 - Câu đơn là câu có một cụm chủ ngữ – vị ngữ. - Câu ghép là câu gồm các cụm chủ ngữ – vị ngữ ghép lại. Mỗi cụm chủ ngữ - vị ngữ trong câu ghép được gọi là một vế câu. Các vế trong câu ghép có sự kết nối chặt chẽ với nhau. - Câu 4: 2 vế nối với nhau bằng từ nhưng và dấu phẩy. - Câu 5: 2 vế nối với nhau bằng từ và. - Câu 11: 2 vế nối với nhau bằng từ thì, dấu phẩy. - Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng một kết từ (và, rồi, hoặc, còn, hay, nhưng, mà, song,...). - Các vế của câu ghép có thể nối trực tiếp với nhau: giữa các vế không có kết từ mà chỉ có dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm phẩy,...).	Slide
	Bài 4: *Mục tiêu: Xác định được mối liên hệ giữa các vế câu và thêm kết từ hoặc cặp từ hô ứng thích hợp để tạo câu ghép.	- HS đọc yêu cầu bài, suy nghĩ rồi làm việc cá nhân. - Thảo luận nhóm 4 theo yêu cầu trên rồi ghi kết quả thảo luận vào bảng nhóm. - GV chốt đáp án đúng. - Em hãy cho cô biết thế nào là kết từ? thế nào là cặp từ hô	A Mặt trời lên cao Sương xuống dày đặc Trong vườn, những bông hồng đã nở rộ, tỏa hương ngào ngạt B khung cảnh xung quanh mờ mịt, không còn nhìn rõ mặt người. những bông lan vẫn e ấp giữ nụ chớm chím. chiếc bóng ngán lại. - HS thảo luận, đại diện nhóm chia sẻ, các nhóm	

		ứng. Lấy ví dụ về cặp từ hô ứng.	khác nhận xét, bổ sung. (HS có thể viết nhiều cách khác nhau) + Mặt trời càng lên cao, chiếc bóng càng ngắn lại. + Khi mặt trời lên cao thì chiếc bóng ngắn lại. + Vì sương xuống dày đặc nên khung cảnh xung quanh mờ mịt không còn nhìn rõ mặt người. + Khi sương xuống dày đặc thì khung cảnh xung quanh mờ mịt không còn nhìn rõ mặt người. + Mặc dù (Dù, Tuy, Dẫu) trong vườn có những bông hồng đã nở rộ tỏa hương ngào ngạt nhưng những bông lan vẫn e ấp giữ nụ chum chím. - Kết từ là từ thường được dùng để nối các từ ngữ hoặc các câu nhằm thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ hoặc các câu với nhau. - Cặp từ hô ứng là các cặp từ đi đôi với nhau thường được dùng để nối các vế của câu ghép. VD: + vừa... đã...; chưa... đã...; mới... đã...; vừa... vừa...; càng... càng... + đâu...đấy; nào... ấy; sao... vậy; bao nhiêu ...bấy nhiêu a. Nếu em chọn một sản vật quê hương để giới thiệu với bạn bè 🌟. b. 🌟 nên tôi luôn hào hứng mong đến giờ ông kể chuyện. c. Tuy những hạt gạo bé nhỏ, giản dị 🌟.
Bài 5: *Mục tiêu: Biết dựa vào nội dung các vế câu để thêm kết từ và vế câu phù hợp.	- GV mời học sinh đọc y/c bài, suy nghĩ và làm vào vở. - GV soi bài, chữa bài trong vở. - GV chốt đáp án đúng. - Khi viết thêm vế câu và kết từ em cần lưu ý gì?	- HS đọc yêu cầu bài. - HS chia sẻ bài làm, các bạn khác nhận xét, bổ sung. + Nếu em chọn một sản vật của quê hương để giới thiệu với bạn bè thì em sẽ chọn	

		=> Cách sử dụng kết từ, các cặp từ hô ngữ trong câu ghép làm cho câu văn thêm phong phú, sinh động, dễ hiểu. Em hãy vận dụng những điều vừa được ôn tập vào viết văn nhé!	món cốm dẻo thơm, ngọt lành. + Nếu em chọn một sản vật của quê hương để giới thiệu với bạn bè, em sẽ chọn chiếc bánh đậu xanh ngọt ngào, thơm dịu. + Vì ông tôi có giọng nói trầm ấm nên tôi luôn háo hức mong đến giờ ông kể chuyện. + Bởi những câu chuyện ông tôi kể rất hấp dẫn người nghe nên tôi luôn háo hức mong đến giờ ông kể chuyện. + Tuy những hạt gạo bé nhỏ, giản dị mà lại chứa đựng biết bao mồ hôi, công sức của người nông dân. + Tuy những hạt gạo bé nhỏ, giản dị nhưng nó lại có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của người dân Việt Nam. - Cần đọc kĩ nội dung câu đã cho để tạo thành câu ghép có ý nghĩa, nội dung phù hợp.	
5'	3. Vận dụng trải nghiệm *Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.	- Trong tiết học hôm nay, em đã được ôn tập những nội dung gì? - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS suy nghĩ, trả lời. - VD: Em được ôn tập về câu đơn, câu ghép, cách nối các vế câu ghép...	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được

- Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian và không gian được thể hiện trong bài thơ, giải thích vì sao mình yêu thích.
- Đọc hiểu văn bản “*Quạt mo*”, trả lời được một số câu hỏi trong bài.

2. Học sinh vận dụng được

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển:

a. Năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng viết đoạn văn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

b. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5’	1. Khởi động: *Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	- GV giới thiệu trò chơi “Ô cửa bí mật” GV phổ biến luật chơi: Cô giáo có 6 ô cửa bí mật, mỗi ô cửa có chứa 1 câu thơ. Ai nêu được tên bài thơ sẽ mở được ô cửa bí mật và được tặng phần thưởng.	- HS chơi trò chơi và nêu tên bài thơ tương ứng với mỗi cánh cửa bí mật. a. Hạt gạo làng ta - Trần Đăng Khoa b, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ - Nguyễn Khoa Điềm c. Thư của bố - Thụy Anh	Slide

		a. Em vui em hát Hạt vàng làng ta... b. Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng. c. Con đã lớn khôn, đọc được cả những điều Chưa được viết trong thư người lính biển. d. Mặt trời xuống biển như hòn lửa Sóng đã cài then, đêm sập cửa. e. Ông đứng như bụi hiện Chờ chầu cuối đường quê. - GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. - GV khen thưởng những học sinh có đáp án đúng. - Trò chơi vừa rồi cũng là nội dung một phần trong bài tập 1 phần ôn tập hôm nay.	d, Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận e, Đường quê Đồng Tháp Mười - Trần Quốc Toàn.	
25'	2. Luyện tập			
	Bài 1: *Mục tiêu: HS nhớ lại tên các bài thơ, các hình ảnh chi tiết thú vị gợi cảm xúc trong bài thơ.	- Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - Thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu trên. - GV quan sát các nhóm làm việc và ghi điểm khen ngợi những nhóm làm việc tốt và những cá nhân phát biểu tốt trước lớp.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS làm việc theo nhóm, đọc cho nhau nghe và nêu cảm nhận. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả. - Cả lớp nhận xét. - HS lắng nghe.	Slide
	Bài 2: *Mục tiêu: HS đọc hiểu được văn bản.	- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2 - GV gọi HS đọc đoạn văn, cả lớp đọc thầm. - HS thảo luận nhóm 4 trả lời câu hỏi cuối bài: - Kể lại giấc mơ của người cháu về chiếc quạt mo? - Giấc mơ đó có gì thú vị? - Chi tiết “người cháu khi lớn vẫn giữ một chiếc quạt mo làm kỉ niệm” gợi cho em suy nghĩ gì? - Nêu biện pháp liên kết câu trong mỗi đoạn? - GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương và chốt tình cảm yêu thương, hiếu thảo của cháu với bà. - Liên hệ: Các con đã có những việc làm, cử chỉ gì thể	- Những kỉ niệm như cháu quạt cho bà khi bà đi chợ xa về; Bà ôm cháu vào lòng nói: “ Cháu bà thương bà nhất”; Hai bà cháu nằm võng, bà quạt cho cháu ngủ. - Người cháu đã mơ thấy mình cầm quạt mo và gặp phú ông. Sau đó, người cháu mơ thấy mình cười trâu của Phú ông đi ngang qua một ao cá người cháu rất hoảng hốt. Vì thấy mình đã đủ chiếc quạt mo lấy trâu của cụ ông. - Giấc mơ đó thú vị vì tái hiện lại bài đồng dao về chiếc quạt mo, cậu bé nghĩ mình giống như thằng Bờm có điều Thằng Bờm không đòi quạt, còn cậu bé	Slide

		<i>hiện tình cảm kính trọng, yêu mến bà của mình?</i>	với sự hồn nhiên và vô tư của một đứa trẻ đã tổ chức quạt lấy chú trâu mập mạp của Phú ông. Đó, có lẽ cũng là cách suy nghĩ phổ biến của nhiều bạn nhỏ. - Chi tiết người cháu khi lớn vẫn giữ một chiếc quạt mo làm kỉ niệm gọi cho em suy nghĩ: cháu rất gần bó với bà nhớ bà và luôn luôn muốn giữ kỉ niệm bên mình, người cháu là người rất tình cảm. - HS lắng nghe - HS trả lời	
5'	3. Vận dụng trải nghiệm *Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. - Nhận xét, tuyên dương - GV nhận xét - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia chơi. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được:

- Nhận biết được các vế trong câu ghép và các cách nối các vế câu ghép.
- Nhận biết và phân biệt được các biện pháp liên kết câu (lặp, thế, nối).

2. Học sinh vận dụng được:

- Phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển:

a. Năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng đọc hiểu, đọc thành tiếng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

b. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Biết tự hào và trân trọng những giá trị văn hoá vật chất và tinh thần của dân tộc, từ đó có ý thức giữ gìn các di sản văn hoá của các dân tộc trên đất nước ta.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5’	1. Khởi động: *Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	- GV tổ chức cho Hs chơi trò chơi: <i>Tìm kho báu</i> (Bài 3) - Hướng dẫn HS chơi theo nhóm (3 – 4 HS). Nêu luật chơi: + Mỗi nhóm chuẩn bị một xúc xắc và số quân cờ tương ứng số lượng thành viên trong nhóm + Mỗi nhóm xác định thứ tự chơi của các thành viên.	- HS nghe - HS chơi trò chơi theo nhóm	Slide

		+ HS lần lượt tung xúc xắc để xác định số ô mình được đi. Đến ô nào, HS phải nói được câu ghép chứa kết từ (cặp kết từ) có trong ô. Nếu nói được câu đúng yêu cầu, HS sẽ được đứng ở ô đó và lượt chơi tiếp tục dành cho người sau. Nếu không nói được (hoặc nói không đúng), HS sẽ phải quay trở lại ô mình đã xuất phát ở lượt đó. - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới.	-Hs ghi tên bài	
25'	2. Luyện tập			
	Bài 3: *Mục tiêu: Biết cách sử dụng kết từ, cặp từ hô ngữ phù hợp để đặt câu.	- HS đọc yêu cầu bài tập. - GV nêu luật chơi: mỗi nhóm 3-4 học sinh. Mỗi nhóm chuẩn bị một xúc xắc và số quân cờ tương ứng số lượng thành viên trong nhóm. Mỗi nhóm xác định thứ tự chơi của các thành viên học sinh lần lượt tung xúc xắc để xác định số mình được đi. Đến ô nào học sinh phải nói được câu ghép chứa kết từ hoặc cặp từ hô ngữ có trong ô. Nếu nói được câu đúng yêu cầu học sinh sẽ được đứng ở ô đó và lượt chơi tiếp tục dành cho người sau nếu không nói được hoặc nói không đúng học sinh sẽ phải quay trở lại ô mình đã xuất phát. - Trong quá trình chơi học sinh góp ý cho nhau để đạt được những câu ghép đúng hay – GV quan sát các nhóm làm việc ghi lại những câu hay của học sinh, đề nghị học sinh đọc trước lớp. - GV tổng kết trò chơi khen ngợi các nhóm chơi nhanh nhiều lượt và gặp được nhiều.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS tham gia chơi.  - Cả lớp nhận xét. - HS lắng nghe.	Slide
	Bài 5: *Mục tiêu:	Gọi 1 HS đọc bài 5 - Thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu trên và ghi vào nháp phần thảo luận.	- HS thảo luận nhóm - Đại diện nhóm chia sẻ, nhận xét, bổ sung.	Slide

		chế mà còn tránh được việc lặp các từ ngữ khi viết văn.		
5'	3. Vận dụng trải nghiệm *Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: + Viết một đoạn văn ngắn khoảng 4-5 câu trong đó có sử dụng các cách liên kết câu đã học để kể về một hoạt động mà em đã làm cùng người thân. - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. - GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. Nộp phiếu học tập để GV chấm, đánh giá kỹ năng vận dụng vào thực tiễn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được:

- Thể hiện ý tưởng cho bài viết nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng.
- HS nhớ lại cấu tạo của bài văn nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng.

2. Học sinh vận dụng được:

- HS viết được bài văn nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển:

a. Năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng đọc hiểu, đọc thành tiếng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

b. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Biết tự hào và trân trọng những giá trị văn hoá vật chất và tinh thần của dân tộc, từ đó có ý thức giữ gìn các di sản văn hoá của các dân tộc trên đất nước ta.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động: *Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	- GV tổ chức trò chơi “Gọi tên cảm xúc” - GV hướng dẫn cách chơi: Mỗi bạn sẽ ghi cảm xúc tích cực hoặc tiêu cực vào một tờ giấy rồi cô giáo thu lại. - GV gọi 1 em lên bốc thăm và thể hiện cảm xúc qua cử chỉ, gương mặt. HS bên dưới đoán và gọi	- HS lắng nghe GV giới thiệu cách chơi. - HS tham gia chơi: + HS ghi cảm xúc vào giấy. + Bốc thăm + Thể hiện cảm xúc.	Slide

		tên cảm xúc. Ai nói đúng sẽ được lên bốc thăm tiếp. - GV nhận xét, tuyên dương HS. + Em rút ra được điều gì qua trò chơi? - GV kết luận, giới thiệu bài: Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em đưa những tình cảm, cảm xúc của mình vào để viết một đoạn văn về một sự việc mà em yêu thích.		
25'	2. Luyện tập			
	Bài 1: *Mục tiêu: + HS đưa ra ý tưởng cho bài viết nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.	- Gọi 1 HS đọc yêu cầu. - Thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu bài.  - GV nhận xét, góp ý. - GV khen ngợi những HS trình bày tốt. => Qua bài tập 1, các em đã lên được ý tưởng cho bài viết. Bây giờ chúng ta cùng ôn lại các bước viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc và thực hành viết đoạn văn trong nội dung bài 2.	- HS đọc yêu cầu bài, cả lớp đọc thầm. - HS chọn 1 trong 2 yêu cầu rồi suy nghĩ và thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe. - HS kể hoặc trao đổi trong nhóm hoặc cặp. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý để HS hoàn thiện phần trình bày. - Gọi ý: a. Sự việc được thể hiện trong một bức tranh: Hai bạn nam cùng đá bóng gần cửa lớp học, vô tình đá trúng vào cửa làm vỡ kính của lớp. Hai bạn nam lúng túng và không biết phải xử trí ra sao. b. Sự việc đáng nhớ em đã trải qua: Một lần em tham gia cuộc thi của trường tổ chức, em vinh dự thắng cuộc và dành được giải cao nhất trong cuộc thi ấy. Sau sự việc xảy ra, em cảm thấy thật bất ngờ và vỡ oà trong hạnh phúc, em nghĩ mình không đạt được thành tích tốt như vậy.	Slide

	Bài 2: *Mục tiêu: + HS nhớ lại cấu tạo của đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng. + HS viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc, hiện tượng.		- HS đọc yêu cầu bài. - HS nhắc lại cấu trúc đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc. - HS nhớ lại nội dung đã nói ở bài 1 và viết vào vở.	Slide
	Bài 3: *Mục tiêu: + Biết trao đổi và góp ý cho nhau để chỉnh sửa bài viết. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.	- GV đọc một số bài của HS trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS. (Nếu không đủ thời gian, GV nhắc HS về nhà hoàn thành yêu cầu của bài tập 2.) - Khen ngợi những HS viết tốt. - Nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập thứ 5.	- HS trao đổi bài trong Làm việc theo cặp - HS trao đổi bài viết cho nhau. - HS đọc và nhận xét bài của bạn. + Nêu những ưu điểm mình có thể học tập trong bài của bạn. + Góp ý sửa lỗi trong bài. + Góp ý để bạn viết câu/đoạn hay hơn. + Chép vào sổ tay những điều mình học được từ bạn.	Slide Bảng phụ
5'	3. Vận dụng trải nghiệm *Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	- GV yêu cầu HS ghi lại những tình cảm, cảm xúc về tiết học hôm nay và chia sẻ cùng các bạn. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS viết ra giấy và chia sẻ cho các bạn.	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được:

- Đọc đúng và diễn cảm văn bản trong mục kiểm tra đọc thành tiếng: biết nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng, thể hiện được cảm xúc qua giọng đọc,...
- Hiểu nội dung bài đọc
- Phân biệt được câu đơn, câu ghép; nhận biết được các vế trong câu ghép và các cách nối vế câu ghép; nhận biết và phân biệt được các biện pháp liên kết câu (lặp, thế, nối).

2. Học sinh vận dụng được:

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.
- Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển:

a. Năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng viết đoạn văn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

b. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động: *Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	- GV giới thiệu bài hát “Cơn mưa hè” - Nội dung bài hát nói về chủ đề gì?	- HS lắng nghe bài hát và cùng trao đổi về nội dung bài hát. - Nội dung bài hát nói về cơn mưa mùa hè mang đến những cho các bạn nhỏ	Slide

	+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	- Trong bài hát, bạn nhỏ mong chờ cơn mưa như thế nào? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Qua bài hát cho chúng ta thấy cơn mưa hè hiện lên thật đẹp và trong tiết ôn tập hôm nay, chúng ta cũng có bài đọc liên quan đến Mưa.	nhiều ước mơ, khát vọng về một mùa hè được mong chờ. - Cơn mưa hè về cùng những nhớ mong Cơn mưa hè đợi chờ trong thiết tha Mưa trở lại cùng niềm vui đã xa Cơn mưa về gọi em ngân vang khúc nhạc - HS lắng nghe.									
25'	2. Thực hành											
	*Mục tiêu: + Đánh giá kĩ năng đọc to, trả lời câu hỏi, đọc hiểu và viết đoạn văn. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.	I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: - Học sinh đọc thầm, đọc nhóm đôi cho nhau nghe. - GV gọi HS đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi. + Chú ý đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai: nở, nắng, đuổi, buổi, lúa, lửa, giã, quả đỏ, lấp ló,...). + Đọc diễn cảm cả bài. - GV mời 1 – 2 HS xung phong đọc cả bài. – Trả lời câu hỏi + Câu 1: Bài thơ nhắc đến những cơn mưa vào thời gian nào? Khi đó, mọi người làm gì? - GV nhận xét, thống nhất đáp án. + Câu 2: Em hiểu “cơn mưa của con” trong bài thơ nói về điều gì? - Thảo luận nhóm 4 theo câu hỏi 2 - Câu thơ nào cho em biết? - Khen ngợi HS thực hiện tốt.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS đọc bài thơ để TLCH <table><tr><th>Mưa vào thời gian</th><th>Hoạt động của mọi người</th></tr><tr><td>Mưa như rây bột vào mùa xuân</td><td></td></tr><tr><td>Mưa rào vào tháng Năm</td><td>Chị ra đồng hái bưởi</td></tr><tr><td>Mưa dãi vào tháng Mười</td><td>Bà cười, già ngủ</td></tr></table> - HS đọc - Thảo luận nhóm, chia sẻ. - “Cơn mưa của con” là nước tưới cây, con là người mang cơn mưa đến cho cây cối, giúp cho cây cối tươi tốt. - Đây cơn mưa của con/ Từ đôi bàn tay son/ Từ búp sen thùng tưới/ Mưa xoe đầy lá non.	Mưa vào thời gian	Hoạt động của mọi người	Mưa như rây bột vào mùa xuân		Mưa rào vào tháng Năm	Chị ra đồng hái bưởi	Mưa dãi vào tháng Mười	Bà cười, già ngủ	Slide
Mưa vào thời gian	Hoạt động của mọi người											
Mưa như rây bột vào mùa xuân												
Mưa rào vào tháng Năm	Chị ra đồng hái bưởi											
Mưa dãi vào tháng Mười	Bà cười, già ngủ											
		II. Đọc hiểu: - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài “Mùa mật mới”. Câu 1. Để lấy mật, bà đã chuẩn bị những gì?	- HS đọc thầm rồi trả lời câu hỏi. – nôi, chõ, chậu sành, gùi lá mật, bếp.									

		Câu 2. Sắp xếp các hoạt động theo trình tự của việc lấy mật. Câu 3. Mật sau khi thu được có hương vị ra sao? Câu 4. Niềm vui “được mùa mật” của các nhân vật trong câu chuyện được thể hiện như thế nào? Câu 5. Theo em, những tình cảm nào được thể hiện trong câu chuyện? Những chi tiết nào cho em biết điều đó. Câu 6. Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của em về người bà trong câu chuyện. Câu 7. Tìm câu đơn và câu ghép trong các câu văn. Câu 8. Dùng kết từ (hoặc cặp kết từ) để nối các câu đơn dưới đây thành câu ghép. Canh lá mật là cách lấy mật ngày xưa. + Cách lấy mật phổ biến hiện nay là vắt tay hoặc quay lá mật. Mật có thể đổi lấy đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt hằng ngày. + Bà bà cháu rất vui khi được mùa mật. Câu 9. Trong đoạn dưới đây, từ ngữ thay thế nào có tác dụng liên kết câu? Khi bánh đã vớt ra đầy mâm, bà ghé đầu ra cửa gọi gia đình bác thợ gỗ bên hàng xóm. Bà mời họ sang nếm mật mới và ăn bánh, mừng mùa mật. Khi bánh đã vớt ra đầy mâm, bà ghé đầu ra cửa gọi gia đình bác thợ gỗ bên hàng xóm. Bà mời họ sang nếm mật mới và ăn bánh, mừng mùa mật. → Từ ngữ thay thế họ, thay cho gia đình bác thợ gỗ bên hàng xóm Câu 10. Viết một đoạn văn dựa vào các ý dưới đây, trong đó có sử dụng các từ ngữ đầu tiên, tiếp theo, sau đó, cuối cùng.	e. Khều trứng ong và ong non ra khỏi lá mật. d. Bắc nồi cho lên bếp. b. Đặt chậu sành lên miệng chõ. a. Gác những lá mật trong góc chậu sành. c. Canh lá mật cho sập bịt các lỗ mật chảy ra. g. Để mật nguội. h. Gạt sập ra và chặt mật vào vò. – hương thơm ngọt ngào, vị ngấm ngấm đắng hoặc ngọt đậm. – Bà sung sướng nói chưa năm nào được mùa mật như năm nay, ba bà cháu vui vẻ bàn bạc mua đồ. - Tình cảm gia đình, bà cháu, thể hiện qua các chi tiết: - Cảnh ba bà cháu quây quần canh mật, làm bánh, trò chuyện. - Bà chỉ nghĩ đến việc mua đồ cho cả nhà, không nghĩ đến bản thân mình. - Cháu nhận ra điều đó, nghĩ đến việc mua thuốc cho bà đỡ đau xương,... - Tình cảm cộng đồng, - Qua câu chuyện, có thể cảm nhận được tình cảm gia đình, bà cháu, và tình cảm cộng đồng, làng xóm. làng xóm, thể hiện qua việc bà mời gia đình bác thợ gỗ sang ăn bánh mừng mùa mật. - Hs viết vở. - GV chấm, chữa bài. - Câu đơn: Mật lần sập rỏ đều đều xuống chậu; Chậu mật trên bếp đầy dần; Mùi
--	--	---	--

			mật nóng hôi, thơm ngọt ngào bay ra ngoài. - Câu ghép: Trên miệng chỗ, bà đặt cái chậu sành, bên trong góc chậu, bà gác những lá mật; Hơi nóng ộc nghi ngút, sáp bệt các lỗ mật chảy ra. - VD: Canh lá mật là cách lấy mật ngày xưa, còn cách lấy mật phổ biến hiện nay là vắt tay hoặc quay lá mật; Mật có thể đổi lấy đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt hàng ngày nên ba bà cháu rất vui khi được mùa mật... VD: Đầu tiên, bà chuẩn bị nồi, chỗ, chậu sành, gùi lá mật. Tiếp theo, bà khêu trứng ong và ong non. Sau đó, bà canh lá mật. Cuối cùng, bà gặt sáp, chắt mật.	
5'	3. Vận dụng trải nghiệm *Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.	- GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe thực hiện - HS lắng nghe.	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- 1. Học sinh thực hiện được:** Viết được bài văn tả người hoặc đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc.
- 2. Học sinh vận dụng được**
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
 - Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.
- 3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển:**
- a. Năng lực:
- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng đọc, nói và trao đổi.
 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.
- b. Phẩm chất:
- Phẩm chất nhân ái.
 - Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
 - Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- 1. Giáo viên**
- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
 - Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

- 2. Học sinh**
- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động: *Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khởi động trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	- GV nêu mục đích yêu cầu của tiết kiểm tra	Hs nghe	Slide
25'	2. Thực hành *Mục tiêu:	- GV hướng dẫn HS + Đọc thầm cả 2 đề và gợi ý của mỗi đề.		Slide

	+ HS viết được đoạn văn hoặc bài văn theo yêu cầu. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.	+ Lựa chọn 1 đề phù hợp với năng lực của bản thân. + Thực hành viết bài. + Rà soát bài sau khi viết xong (bố cục, nội dung, từ ngữ,...). - GV chấm, chữa nhanh 1 – 2 bài viết. – Khen ngợi những HS viết tốt. - GV tổng kết tiết học.		
5'	3. Vận dụng trải nghiệm *Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.	- GV thu bài. - Nhận xét tiết học, dặn dò chuẩn bị bài.	- HS lắng nghe và thực hiện.	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

Môn học: **Toán**
Tên bài học: **Chủ đề 10: Số đo thời gian. Vận tốc. Các bài toán liên quan đến chuyển động đều**
Bài 57: Cộng, trừ số đo thời gian
Tiết 1: Khám phá, Hoạt động - trang 67, 68
Tiết số: 131/Tổng số tiết: 175

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- 1. Học sinh thực hiện được:** HS thực hiện được phép cộng số đo thời gian.
- 2. Học sinh vận dụng được**
- HS vận dụng được việc cộng số đo thời gian để giải quyết một số tình huống thực tế.
 - HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- 3. Học sinh có cơ hội hình thành, phát triển:**
- a. Năng lực:
- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: qua các bài toán thực tế, tham gia trò chơi, vận dụng.
 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.
- b. Phẩm chất:
- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
 - Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
 - Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

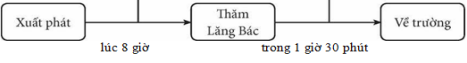
- 1. Giáo viên**
- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
 - Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- 2. Học sinh**
- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động: *Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn	- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Điền số : 1 giờ = phút + Câu 2: 1 phút = giây + Câu 3: 12 tháng = năm + Câu 4: 1 năm = ngày + Câu 5: 10 giờ + 15 giờ = giờ	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: 1 giờ = 60 phút + Trả lời: 1 phút = 60 giây + Trả lời: 12 tháng = 1 năm + Trả lời: 1 năm = 365 ngày + Trả lời: 10 giờ + 15 giờ = 25 giờ - HS lắng nghe.	Slide

	để thu hút học sinh tập trung.	- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới		
10'	2. Khám phá *Mục tiêu: + Cùng cố phép cộng số đo thời gian. + Hiểu được cách tính cộng số đo thời gian.	- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:  + Một bộ phim bắt đầu khởi chiếu lúc mấy giờ? + Thời lượng của bộ phim là mấy giờ? + Vậy muốn biết bộ phim kết thúc lúc mấy giờ? - GV chốt: Muốn biết bộ phim kết thúc lúc mấy giờ ta lấy 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút ? Em có nhận xét gì về phép cộng? ? 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút = ? - GV nhận xét - GV hướng dẫn HS cách đặt tính. - GV gọi HS nêu cách tính ? Muốn cộng số đo thời gian em làm thế nào? - GV nhận xét kết luận : + Đặt số đo các đơn vị đo thời gian giống nhau thẳng cột với nhau + Sau mỗi kết quả tính được ta ghi đơn vị đo thời gian tương ứng.	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống: + Một bộ phim bắt đầu khởi chiếu lúc 19 giờ 15 phút + Thời lượng của bộ phim là 1 giờ 30 phút + 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút - HS lắng nghe - Phép cộng có số đo thời gian 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút = 20 giờ 45 phút - HS nhận xét - HS chú ý - HS nêu - HS nêu: + Đặt số đo các đơn vị đo thời gian giống nhau thẳng cột với nhau + Sau mỗi kết quả tính được ta ghi đơn vị đo thời gian tương ứng. - HS lắng nghe	Slide Bảng phụ
15'	3. Hoạt động Bài 1: *Mục tiêu: Rèn kỹ năng cộng số đo thời gian.	a. GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm vào vở ý a. - GV nhận xét, tuyên dương b. Chọn câu trả lời đúng - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi. - HS làm vào vở thực hiện cộng các số đo thời gian- đổi vở kiểm tra kết quả	Slide Bảng phụ

		? Vì đồng hồ chạy chậm muốn tính được thời gian đúng em làm thế nào? - GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện để tính ra ý b - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	- HS báo cáo kết quả. - a, 14 giờ 20 phút + 2 giờ 10 phút = 16 giờ 30 phút 10 phút 20 giây + 5 phút 30 giây = 15 phút 50 giây - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi. - Em lấy thời gian đồng hồ đó chỉ cộng với thời gian chạy chậm. - HS làm việc nhóm đôi - Các nhóm báo cáo kết quả. 14 giờ 30 phút + 25 phút = 14 giờ 55 phút. Chọn C. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	
	Bài 2: *Mục tiêu: Thực hiện đặt tính với số đo thời gian, đổi đơn vị đo thời gian.	- GV mời HS đọc yêu cầu bài. - GV hướng dẫn HS cộng ở phép tính mẫu ? Theo em phép cộng số đo thời gian ở bài 2 này có gì khác phép cộng số đo thời gian bài 1? ? Thực hiện phép cộng được số đo thời gian là 80 phút (lớn hơn 1 giờ) thì ta có thể làm gì? - GV nhận xét, kết luận: Nếu số đo thời gian ở đơn vị bé có thể chuyển đổi sang đơn vị lớn thì ta thực hiện chuyển đổi sang đơn vị lớn hơn. - GV gọi HS lên bảng. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi - HS chú ý - Có số đo thời gian phút là 80 phút - Đổi đơn vị - HS lắng nghe - 2 HS lên bảng – lớp báo cáo - HS khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)	
5'	4. Vận dụng, trải nghiệm *Mục tiêu:	? Thời gian xe xuất phát lúc mấy giờ? ? Tổng thời gian từ khi HS đi cho đến khi quay về trường?	- Thời gian xe xuất phát là 8 giờ. - 50 phút	Slide

	+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	? Để tìm được HS về đến trường lúc mấy giờ ta làm thế nào? - GV đưa ra sơ đồ - Mô hình: Thời gian từ trường đến Lăng Bác rồi quay về trường là 50 phút  <pre> graph LR A[Xuất phát lúc 8 giờ] --> B[Thăm Lăng Bác trong 1 giờ 30 phút] B --> C[Về trường] </pre> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để thực hiện - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	- Tổng thời gian di chuyển trên đường + thời gian thăm Lăng Bác + thời gian bắt đầu đi - HS quan sát - Các nhóm thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày <i>Tổng thời gian di chuyển trên đường và thời gian thăm Lăng Bác là:</i> $50 \text{ phút} + 1 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 2 \text{ giờ } 20 \text{ phút}.$ <i>HS về' đến trường lúc: 8 giờ + 2 giờ 20 phút = 10 giờ 20 phút. Chọn D.</i> - Nhóm khác nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe và thực hiện.
--	---	--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

Môn học: **Toán**
Tên bài học: **Chủ đề 10: Số đo thời gian. Vận tốc. Các bài toán liên quan đến chuyển động đều**
Bài 57: Cộng, trừ số đo thời gian
Tiết 2: Khám phá, Hoạt động, Luyện tập - trang 68, 69, 70
Tiết số: 132/Tổng số tiết: 175

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- 1. Học sinh thực hiện được:** HS biết cách thực hiện trừ số đo thời gian.
- 2. Học sinh vận dụng được:**
- Giải quyết được một số vấn đề thực tế liên quan.
 - HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- 3. Học sinh có cơ hội hình thành, phát triển:**
- a. Năng lực
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.
- b. Phẩm chất
- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
 - Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
 - Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
 - Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- 1. Giáo viên**
- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
 - Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- 2. Học sinh**
- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động: *Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. - HS chơi chuyền bóng theo nhạc khi bóng dừng ở HS nào thì HS đó trả lời câu hỏi về cộng số đo	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: 18 giờ 55 phút + Trả lời: 45 phút 50 giây	Slide

	+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	thời gian do một bạn chỉ huy đưa ra. + Câu 1: 15 giờ 35 phút + 3 giờ 20 phút= + Câu 2: 25 phút 35 giây + 20 phút 15 giây= + Câu 3: 24 giờ 46 phút + 15 giờ 35 phút = + Câu 4: 15 phút 35 giây + 9 phút 50 giây= - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	+ Trả lời: 39 giờ 81 phút = 40 giờ 21 phút + Trả lời: 24 phút 85 giây = 25 phút 25 giây - HS lắng nghe.	
7'	2. Khám phá			
	*Mục tiêu: + củng cố phép trừ số đo thời gian. + Hiểu được cách tính trừ số đo thời gian.	- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống: + Có thể quan sát thấy nhật thực lúc mấy giờ? + Bây giờ mới là mấy giờ? + Vậy muốn biết bao lâu nữa mới có thể quan sát được nhật thực em làm thế nào? - GV chốt: Muốn biết bộ phim kết thúc lúc mấy giờ ta lấy 10 giờ 30 phút - 9 giờ 20 phút ? Em có nhận xét gì về phép trừ? ? Theo em 10 giờ 30 phút - 9 giờ 20 phút - GV nhận xét - GV hướng dẫn HS cách đặt tính - GV gọi HS nêu cách tính ? Muốn cộng số đo thời gian em làm thế nào? - GV nhận xét kết luận : + Đặt số đo các đơn vị đo thời gian giống nhau thẳng cột với nhau + Sau mỗi kết quả tính được ta ghi đơn vị đo thời gian tương ứng.	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống: + Có thể quan sát thấy nhật thực lúc 10 giờ 30 phút + bây giờ mới là 9 giờ 20 phút + 10 giờ 30 phút - 9 giờ 20 phút - HS lắng nghe - Phép trừ có số đo thời gian - 10 giờ 30 phút - 9 giờ 20 phút = 1 giờ 10 phút - HS nhận xét - HS chú ý - HS nêu - HS nêu: + Đặt số đo các đơn vị đo thời gian giống nhau thẳng cột với nhau + Sau mỗi kết quả tính được ta ghi đơn vị đo thời gian tương ứng. - HS lắng nghe	Slide Bảng phụ
10'	3. Hoạt động			
	Bài 1: *Mục tiêu:	a. GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm vào vở ý a. - GV nhận xét, tuyên dương	- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.	Slide Bảng phụ

+ HS thực hiện được trừ các số đo thời gian.	b. Chọn câu trả lời đúng - GV yêu cầu HS đọc đề bài. ? Vậy để biết ô tô đó đi từ Thanh Hóa đến Nghệ An hết bao lâu em làm thế nào? - GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện để tính ra ý b - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	- HS làm vào vở thực hiện cộng các số đo thời gian- đổi vở kiểm tra kết quả - HS báo cáo kết quả. a) 20 phút 25 giây - 12 phút 10 giây = 8 phút 15 giây 16 giờ 30 phút - 12 giờ 30 phút = 4 giờ - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi. - Em lấy 17 giờ 20 phút - 14 giờ 5 phút - HS làm việc nhóm đôi - Các nhóm báo cáo kết quả. 17 giờ 20 phút - 14 giờ 5 phút = 3 giờ 15 phút. Chọn B. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	
Bài 2: *Mục tiêu: HS rèn đặt tính trừ số đo thời gian.	a. GV mời HS đọc yêu cầu bài. - GV hướng dẫn HS trừ ở phép tính mẫu. ? Theo em phép trừ số đo thời gian ở bài 2 này có gì khác phép trừ số đo thời gian bài 1? ? Số đo thời gian theo đơn vị giây ở số bị trừ bé hơn ở số trừ thì ta làm thế nào? - GV nhận xét, kết luận: Nếu số đo theo đơn vị nào đó ở số bị trừ bé hơn, số đo tương ứng ở số trừ thì ta chuyển đổi một đơn vị hàng lớn hơn liền kề sang đơn vị nhỏ hơn rồi thực hiện phép trừ như bình thường. - GV gọi HS lên bảng làm ý a - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi - HS chú ý - Số đo thời gian theo đơn vị giây ở số bị trừ bé hơn ở số. - Mượn đơn vị ở Số bị trừ sau đó đổi đơn vị - HS lắng nghe - 2 HS lên bảng – lớp báo cáo - Đổi 1 giờ 30 phút = 90 phút - Đổi 8 phút 20 giây = 7 phút 80 giây - HS khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi - HS thảo luận	Slide Bảng phụ

		- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) b. Chọn câu trả lời đúng - GV mời HS đọc yêu cầu bài. - GV yêu cầu cả lớp thảo luận nhóm 4 - GV yêu cầu HS nêu cách làm và chọn đáp án. - GV khác nhận xét, bổ sung.	- Em lấy 7 giờ 20 phút – 6 giờ 30 phút = 50 phút. Chọn đáp án C - Nhóm khác nhận xét, bổ sung	
7'	4. Luyện tập			
	*Mục tiêu: Hs rèn kỹ năng trừ số đo thời gian.	GV hướng dẫn HS giờ của hai thời điểm là khác nhau. - GV đưa sơ đồ Hà Nội 8 giờ 30 phút 11 giờ 30 phút Niu Oóc 21 giờ 30 phút ? giờ ↓ 3 giờ ? Thời điểm 11 giờ 30 phút ngày 1 tháng 6 cách thời điểm 8 giờ 30 phút ngày 1 tháng 6 mấy giờ? ? Hai thời điểm tương ứng ở Niu Oóc cũng cách nhau mấy giờ? - Vậy khi đó ở Niu Oóc là mấy giờ? - GV nhận xét, tuyên dương	- 21 giờ 30 phút ngày 31 tháng 5 - HS chú ý - 11 giờ 30 phút - 8 giờ 30 phút = 3 giờ. - 3 giờ - 21 giờ 30 phút + 3 giờ = 24 giờ 30 phút hay 0 giờ 30 phút ngày hôm sau. Chọn C. - HS nhận xét - Xin – ga - po : 13giờ - Pa – ri: 7giờ - Niu-Ooc : 1 giờ - HS nêu từng nước qua 1 số tranh, chia sẻ 1 số thời gian chênh lệch - HS khác nhận xét, bổ sung.	Slide Bảng phụ
5'	5. Vận dụng trải nghiệm *Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	- GV nhận xét tiết học và dặn dò HS chuẩn bị bài.	- HS lắng nghe và thực hiện.	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

Môn học: Toán
Tên bài học: Chủ đề 10: Số đo thời gian.
Vận tốc. Các bài toán liên quan đến chuyển động đều
Bài 58: Nhân, chia số đo thời gian với một số
Tiết 1: Khám phá, Hoạt động, Luyện tập - trang 71, 72, 74, 75
(Bài 1a + Bài 4 - phần Luyện tập)
Tiết số: 133/Tổng số tiết: 175

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được: HS thực hiện được phép nhân số đo thời gian.
2. Học sinh vận dụng được:
- Vận dụng giải được các bài tập, bài toán có liên quan.
 - HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển:
- a. Năng lực
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.
- b. Phẩm chất
- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
 - Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
 - Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
 - Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên
- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
 - Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
2. Học sinh
- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động *Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi	- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: $23 \times 5 = \dots$ + Câu 2: $36 \times 7 = \dots$	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: $23 \times 5 = 115$ + Trả lời: $36 \times 7 = 252$	Slide

	trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	+ Câu 3: $15 \text{ giây} \times 4 = \dots \text{ giây} = \dots \text{ phút}$ + Câu 4: $47 \text{ phút} \times 5 = \dots \text{ giờ} = \dots \text{ phút}$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	+ Trả lời: $15 \text{ giây} \times 4 = 60 \text{ giây} = 1 \text{ phút}$ + Trả lời: $47 \text{ phút} \times 5 = 3 \text{ giờ} = 55 \text{ phút}$ - HS lắng nghe.	
7'	2. Khám phá			
	*Mục tiêu: HS biết cách nhân số đo thời gian với một số.	- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống: Nhân số đo thời gian với một số + Mỗi lượt đu quay quay bao nhiêu vòng? + Quay một vòng hết bao lâu? + Vậy mỗi lượt đu quay quay trong bao lâu? - GV chốt: Vậy mỗi lượt đu quay quay trong bao lâu ta lấy: $2 \text{ phút } 10 \text{ giây} \times 4$? Em có nhận xét gì về phép nhân? - $2 \text{ phút } 10 \text{ giây} \times 4 =$ - GV nhận xét - GV hướng dẫn HS cách đặt tính. - GV gọi HS nêu cách tính ? Muốn cộng số đo thời gian em làm thế nào? - GV nhận xét kết luận : + Đặt tính thẳng hàng và thực hiện tương tự tính như đối với phép nhân các số tự nhiên. + Khi tính sau mỗi kết quả ta phải ghi đơn vị đo tương ứng.	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống: - 4 vòng - 2 phút 10 giây. - $2 \text{ phút } 10 \text{ giây} \times 4$ - HS lắng nghe - Nhân có số đo thời gian với số tự nhiên - $2 \text{ phút } 10 \text{ giây} \times 4 = 8 \text{ phút } 40 \text{ giây}$ - HS nhận xét - HS chú ý - HS nêu + Đặt tính thẳng hàng và thực hiện tương tự tính như đối với phép nhân các số tự nhiên. Khi tính sau mỗi kết quả ta phải ghi đơn vị đo tương ứng. - HS lắng nghe	Slide Bảng phụ
10'	3. Hoạt động			
	Bài 1: *Mục tiêu:	- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.	Slide

+ HS thực hiện được nhân các số đo thời gian.	- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện công, trừ các phân số trong bài tập 1. - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	- HS làm việc nhóm đôi: thực hiện công, trừ các phân số trong bài tập 1: - Các nhóm báo cáo kết quả. a. $2 \text{ giờ } 20 \text{ phút} \times 2 = 4 \text{ giờ } 40 \text{ phút}$ b. $3 \text{ phút } 10 \text{ giây} \times 3 = 9 \text{ phút } 30 \text{ giây}$ - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)	Bảng phụ
Bài 2: *Mục tiêu: HS rèn kỹ năng nhân số đo thời gian với một số, đổi đơn vị đo.	a. GV mời HS đọc yêu cầu bài. - GV hướng dẫn HS cộng ở phép tính mẫu. ? Theo em phép cộng số đo thời gian ở bài 2 này có gì khác phép cộng số đo thời gian bài 1? ? Thực hiện phép cộng được số đo thời gian là 75 phút (lớn hơn 1 giờ) thì ta có thể làm gì? - GV nhận xét, kết luận: Nếu số đo thời gian ở đơn vị, bé có thể chuyển đổi sang đơn vị lớn thì ta thực hiện chuyển đổi sang đơn vị lớn hơn. - GV mời HS làm vào vở ý a. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) b. Chọn câu trả lời đúng - GV mời HS đọc yêu cầu bài. ? Muốn biết trò chơi Việt thiết kế có thời gian bao lâu em làm thế nào? - GV yêu cầu cả lớp thảo luận nhóm 4 - GV yêu cầu HS nêu cách làm và chọn đáp án.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi - HS chú ý - Có số đo thời gian phút là 75 phút - Đổi đơn vị - HS lắng nghe - HS làm vào vở thực hiện cộng các số đo thời gian- đổi vở kiểm tra kết quả - HS báo cáo kết quả. ($90 \text{ phút} = 1 \text{ giờ } 30 \text{ phút}$) Vậy $2 \text{ phút } 30 \text{ giây} \times 3 = 7 \text{ giờ } 30 \text{ phút}$ $60 \text{ phút} = 1 \text{ giờ}$ $3 \text{ giờ } 30 \text{ phút} \times 2 = 7 \text{ giờ}$ - HS khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi. - Em lấy: $1 \text{ phút } 30 \text{ giây} \times 10$ - HS làm việc nhóm	

		- GV nhận xét, bổ sung	- Các nhóm báo cáo kết quả. 1 phút 30 giây x 10 = 10 phút 300 giây Chọn B. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	
	Bài 3: *Mục tiêu: HS rèn kỹ năng nhân số đo thời gian với một số, đổi đơn vị đo.	- GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  Hỏi Mai đã xem video hướng dẫn trong bao lâu, biết video dài 4,25 phút? - Bạn Mai đã xem đi xem lại video bao nhiêu lần? - Một video có thời lượng bao lâu? - Để biết được Mai đã xem video trong bao lâu em làm thế nào? ? Em có nhận xét gì về số 4, 25 phút? ? Vậy để thực hiện được phép nhân này em làm thế nào? - GV yêu cầu HS làm bài vào vở, trình bày. - GV nhận xét, chốt đáp án.	- HS quan sát và trả lời câu hỏi. - HS thực hiện vào vở, 1 HS làm bảng. - HS lắng nghe, chữa bài.	
8'	4. Luyện tập			
	Bài 1a: *Mục tiêu: HS rèn kỹ năng nhân số đo thời gian với một số.	- Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS thực hiện vào vở. - GV nhận xét, chốt đáp án. ? Muốn nhân số đo thời gian với một số ta làm như thế nào?	- 1 HS đọc. - Lớp làm vở, 1 HS làm bảng. - HS chữa bài. - HS trả lời.	Slide Bảng phụ
	Bài 4: *Mục tiêu: HS rèn kỹ năng thực hiện 4 phép tính với số đo thời gian.	-Gọi HS đọc đề bài - Bài toán cho biết gì, hỏi gì? - Yêu cầu HS thảo luận nhóm làm bài - GV nhận xét, chốt kết quả. <i>Chốt cách tìm đoạn đường ngắn nhất, cách tìm thời gian</i>	- 1HS đọc. - Tìm đường đi ngắn nhất của kiến. - HS thảo luận nhóm đôi làm bài. - Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả <i>a. Kiến đi theo các đoạn đường AM – MN – NC và</i>	

			quay về cũng theo đường đó CN – NM – MA b. 14 phút	
5'	5. Vận dụng trải nghiệm *Mục tiêu: + Cũng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.	- Hôm nay, em được củng cố những kiến thức gì? - Sau khi học xong bài hôm nay, em có cảm nhận hay ý kiến gì không? - Đọc và chuẩn bị trước Bài 58: Nhân, chia số đo thời gian với một số (tiết 2).	- HS thực hiện theo yêu cầu.	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

Môn học: **Toán**
Tên bài học: **Chủ đề 10: Số đo thời gian. Vận tốc. Các bài toán liên quan đến chuyển động đều**
Bài 58: Nhân số đo thời gian
Tiết 3: Khám phá, Hoạt động, Luyện tập - trang 73, 74, 75
(Bài 1b, bài 2, bài 3 - phần Luyện tập)
Tiết số: 134/Tổng số tiết: 175

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- 1. Học sinh thực hiện được:** HS biết cách thực hiện chia số đo thời gian cho một số.
- 2. Học sinh vận dụng được:**
- Vận dụng giải được các bài tập, bài toán có liên quan đến bốn phép tính với số đo thời gian.
 - HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- 3. Học sinh có cơ hội hình thành, phát triển:**
- a. Năng lực
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.
- b. Phẩm chất
- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
 - Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
 - Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
 - Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- 1. Giáo viên**
- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
 - Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- 2. Học sinh**
- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động: *Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phần khởi trước giờ học.	- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: 12 phút 35 giây + 5 phút 15 giây =....	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: 17 phút 50 giây + Trả lời: 21 giờ 25 phút + Trả lời: 60 giờ 45 phút	Slide

	+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	+ Câu 2: 36 giờ 45 phút – 15 giờ 20 phút = + Câu 3: 20 giờ 15 phút x 3= + Câu 4: 15 phút 20 giây x 2 - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	+ Trả lời: 30 phút 40 giây - HS lắng nghe.	
5'	2. Khám phá			
	*Mục tiêu: HS biết cách thực hiện phép chia số đo thời gian cho một số.	- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:  + Mỗi đội có mấy bạn? + 4 bạn chạy hết bao lâu? + Vậy mỗi bạn chạy hết bao lâu em làm thế nào? - GV chốt: Vậy mỗi bạn chạy hết bao lâu ta lấy 4 phút 12 giây : 4 ? Em có nhận xét gì về phép chia? 4 phút 12 giây : 4 - GV nhận xét - GV hướng dẫn HS cách đặt tính - GV gọi HS nêu cách tính ? Muốn chia số đo thời gian em làm thế nào? - GV nhận xét kết luận : + Đặt tính chia số đo thời gian tương tự như chia số tự nhiên. + Thực hiện phép chia từng số đo thời gian ở số bị chia cho số chia theo thứ tự từ trái sang phải. + Sau mỗi lượt chia ta ghi số đo thời gian tương ứng vào bên cạnh kết quả.	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống: - 4 bạn - 4 phút 12 giây. - 4 phút 12 giây : 4 - Chia số đo thời gian cho một số 4 phút 12 giây : 4 = 1 phút 3 giây - HS nhận xét - HS chú ý - HS nêu - Đặt tính chia số đo thời gian tương tự như chia số tự nhiên. Thực hiện phép chia từng số đo thời gian ở số bị chia cho số chia theo thứ tự từ trái sang phải. Sau mỗi lượt chia ta ghi số đo thời gian tương ứng vào bên cạnh kết quả. - HS lắng nghe, lắng nghe	Slide Bảng phụ
10'	3. Hoạt động			
	Bài 1: *Mục tiêu: HS vận dụng thực hiện chia số đo thời gian cho một số.	- GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện chia các số đo thời gian trong bài tập 1.	- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi. - HS làm việc nhóm đôi: thực hiện chia các số đo thời gian trong bài tập 1:	Slide Bảng phụ

		- GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	- Các nhóm báo cáo kết quả. a. $4 \text{ giờ } 10 \text{ phút} : 2 = 2 \text{ giờ } 5 \text{ phút}$ b. $20 \text{ phút } 30 \text{ giây} : 5 = 4 \text{ phút } 6 \text{ giây}$ - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)	
	Bài 2: *Mục tiêu: HS vận dụng thực hiện chia số đo thời gian cho một số.	a. GV mời HS đọc yêu cầu bài. - GV hướng dẫn HS chia ở phép tính mẫu ? Theo em phép chia số đo thời gian ở bài 2 này có gì khác phép chia số đo thời gian bài 1? ? Sau mỗi lượt chia thứ nhất số dư 1 (khác 0) thì em làm thế nào? - GV nhận xét, kết luận: Sau mỗi lượt chia, nếu số dư khác 0, ta chuyển đổi sang đơn vị hàng nhỏ hơn liền kề rồi tiếp tục chia. - GV mời HS làm vào vở ý a. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) b. Chọn câu trả lời đúng - GV mời HS đọc yêu cầu bài. ? Muốn biết trung bình vệ tinh đó quay xung quanh Trái Đất một vòng hết bao lâu em làm thế nào? - GV yêu cầu cả lớp thảo luận nhóm 4 - GV yêu cầu HS nêu cách làm và chọn đáp án. - GV nhận xét, bổ sung	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi - HS chú ý - Sau lượt chia thứ nhất số dư khác 0 - Sau mỗi lượt chia, nếu số dư khác 0, ta chuyển đổi sang đơn vị hàng nhỏ hơn liền kề rồi tiếp tục chia. - HS lắng nghe - HS làm vào vở thực hiện chia các số đo thời gian- đổi vở kiểm tra kết quả - HS báo cáo kết quả. Vậy $10 \text{ phút } 40 \text{ giây} = 1 \text{ phút } 20 \text{ giây}$ Vậy $5 \text{ giờ } 20 \text{ phút} = 1 \text{ giờ } 20 \text{ phút}$ - HS khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi. - Em lấy: $10 \text{ giờ } 30 \text{ phút} : 5$. - HS làm việc nhóm - Các nhóm báo cáo kết quả. $10 \text{ giờ } 30 \text{ phút} : 5 = 2 \text{ giờ } 6 \text{ phút}$ Chọn A. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	
8'	4. Luyện tập			

	Bài 1b: *Mục tiêu: HS thực hiện chia số đo thời gian cho một số.	- Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS thực hiện vào vở. - GV nhận xét, chốt đáp án. ? Muốn chia số đo thời gian cho một số ta làm như thế nào?	- 1 HS đọc. - Lớp làm vở, 1 HS làm bảng. - HS chữa bài. - HS trả lời.	Slide Bảng phụ
	Bài 2: *Mục tiêu: HS thực hiện chia số đo thời gian cho một số qua bài toán TBC.	- Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS thực hiện vào sách. - GV nhận xét, chốt đáp án. ? Muốn tìm trung bình cộng của n số, ta làm như thế nào?	- 1 HS đọc. - Lớp làm vở, 1 HS làm bảng. - HS chữa bài. - HS trả lời.	
	Bài 3: *Mục tiêu: HS thực hiện rèn kĩ năng cộng, trừ và chia số đo thời gian.	- Gọi HS đọc đề bài - Bài toán cho biết gì, hỏi gì? - Yêu cầu HS làm bài dựa vào gợi ý: + Buổi sáng, Rô-bốt làm xong 2 hộp bút trong bao lâu? + Buổi chiều, Rô-bốt làm xong 1 hộp bút trong bao lâu? + Trong ngày cuối tuần, Rô-bốt làm được tất cả mấy hộp bút? + Tổng thời gian Rô-bốt làm 3 hộp bút hết bao lâu? - GV nhận xét, chốt đáp án.	- 1HS đọc + Buổi sáng Rô bốt làm 2 hộp bút, buổi chiều làm 1 hộp bút. + Hỏi thời gian trung bình làm 1 hộp bút. - HS làm bài vào vở, 1 HS làm bảng lớp. <i>Bài giải</i> <i>Rô bốt làm 2 hộp bút trong:</i> <i>10 giờ 20 phút – 8 giờ 10 phút = 2 giờ 10 phút</i> <i>Rô bốt làm 1 hộp bút trong:</i> <i>15 giờ 5 phút – 14 giờ = 1 giờ 5 phút</i> <i>Trung bình làm một hộp bút mất số thời gian là:</i> <i>(2 giờ 10 phút + 1 giờ 5 phút):3 = 1 giờ 5 phút</i> <i>Đáp số: 1 giờ 5 phút</i>	
5’	5. Vận dụng, trải nghiệm			
	*Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu	- Hôm nay, em được củng cố những kiến thức gì? - Sau khi học xong bài hôm nay, em có cảm nhận hay ý kiến gì không? - Đọc và chuẩn bị trước <i>Bài 59: Vận tốc của một chuyển động đều</i>	- HS lắng nghe và thực hiện.	Slide

	luyện sau khi học sinh bài học.			
--	------------------------------------	--	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC LỢI
GIÁO VIÊN: CHU THỊ ĐÔNG
LỚP 5A1

Thứ Sáu ngày 27 tháng 03 năm 2026
KẾ HOẠCH BÀI DẠY
Môn học: **Toán**
Tên bài học:
Kiểm tra định kì giữa học kì II
Tiết số: 135/Tổng số tiết: 175

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được:

- Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc và bảo vệ sức khỏe về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.
- Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.

2. Học sinh vận dụng được:

- Có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh quan hệ sinh dục ngoài.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển:

a. Năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thí nghiệm.

b. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học về vai trò của vi khuẩn có ích trong thực phẩm.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn sức khỏe thông qua việc ăn uống; có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

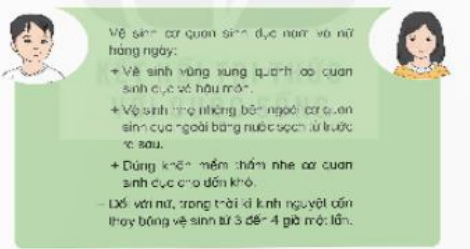
2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động			
	*Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	- Giáo viên tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi “Ô chữ may mắn” - Cách chơi theo đội: đội đầu tiên sẽ chọn một ô số giáo viên lệch câu hỏi chứa trong ô số,	- Cả lớp lắng nghe. - Học sinh chơi theo đội chọn vô số trả lời câu hỏi bằng cách nêu việc cần làm	Slide

	+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	học sinh trả lời đúng hình ảnh sẽ hiện ra, trả lời sai sẽ mất lượt và câu trả lời thuộc về khán giả. - GV khuyến khích nhiều HS chơi. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Các em đã thực hiện nhiều việc làm để giữ vệ sinh cơ thể vậy vì sao cần thực hiện những việc làm đó chúng ta tìm hiểu tiết 2 của bài.	phù hợp với bạn trong hình cả lớp đánh giá có thể đưa ra đáp án hỏi đồ chơi trả lời sai - HS lắng nghe.	
15'	2. Khám phá			
	*Mục tiêu: Nhìn ra sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể từ việc phân tích một số tình huống.	a) Sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì - Tổ chức theo nhóm, yêu cầu học sinh quan sát hình và thực hiện theo yêu cầu của Sách giáo khoa. - Quan sát từ hình 9 đến hình 11 và cho biết các bạn trong hình đang gặp vấn đề gì các bạn cần làm gì ý nghĩa của việc làm đó?	- HS đọc thông tin và thảo luận theo nhóm: - Hình 9: vấn đề ngứa da do không tắm. + Việc cần làm tắm rửa thường xuyên bằng nước ấm, nơi kín gió. + Ý nghĩa da (cơ thể) sạch sẽ da thông thoáng không bị ngứa. - Hình 10: Da mặt dính nổi mụn đỏ, vệ sinh da mặt chưa phù hợp. + Việc cần làm rửa mặt với nước sạch sẽ thường xuyên, ít nhất 2 lần/ngày. + Ý nghĩa sạch chất nhờn trên da không gây tắc lỗ chân lông. - Hình 11: vấn đề ngứa xuất hiện mùi khác lạ do bị viêm cơ quan sinh dục. + Việc cần làm tắm rửa bằng nguồn nước sạch, vệ sinh cơ quan sinh dục, thay quần áo lót hàng ngày, cơ quan sinh dục luôn khô	Slide

		- Giáo viên nhận xét và kết luận.	thoáng, phòng tránh viêm nhiễm, hạn chế vi khuẩn. - HS lắng nghe. - Nếu không thường xuyên giữ vệ sinh cơ thể sẽ có những tác hại rất lớn đối với cơ thể. Đó là: Làm cho cơ thể khó chịu gây cho chúng ta cảm giác mệt mỏi, có mùi khó chịu, dễ mắc các bệnh viêm nhiễm, lâu ngày sẽ mắc các bệnh mãn tính.	
10'	3. Luyện tập			
	*Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức để thực hiện vệ sinh cơ thể tuổi dậy thì. + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực khoa học tự nhiên.	- GV yêu cầu làm việc cá nhân: Quan sát hình 12, 13 và cho biết các bạn làm chưa đúng điều gì, cách làm nào giữ đúng vệ sinh cơ thể? - GV lắng nghe ý kiến chia sẻ của HS. - GV nhận xét và kết luận.	- HS lắng nghe và hoàn thành Hình 12: + Việc làm chưa đúng: sau khi tắm xong mặc quần áo mà vẫn còn xà phòng trên người. + Cách làm đúng: xả kỹ cho sạch xà phòng trên người, lau người khô trước khi mặc quần áo. Hình 13: + Việc làm chưa đúng: có ý định mặc quần áo lót còn ẩm + Cách làm đúng: không dùng quần áo khi còn ẩm, đặc biệt là đồ lót. Cần hong (sấy) khô quần áo trước khi mặc. Mang quần áo ra ngoài chỗ có ánh sáng phơi để diệt khuẩn và nhanh khô.	Slide
5'	4. Vận dụng, trải nghiệm			
	*Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức ứng dụng vào thực tế cuộc sống. + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.	- Đọc thông tin và nêu cách giữ vệ sinh của nam và nữ. - HS nêu cá nhân. 	- HS lắng nghe. - HS nêu cụ thể.	Slide

		- GV và lớp nhận xét. Rút ra bài học cho bản thân. GV tuyên dương những cá nhân nêu đầy đủ. - Dặn dò về nhà.		
--	--	---	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....
.....

Môn học: Khoa học
Tên bài học:
Chủ đề 5: Con người và sức khỏe
Bài 25: Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì (tiết 3)
STEM: Cẩm nang chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì
Tiết số: 54/Tổng số tiết: 70

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được: HS biết thực hiện giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì, đặc biệt là vệ sinh quanh cơ quan sinh dục ngoài.

2. Học sinh vận dụng được:

- Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.
- Có ý thức và kỹ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh quanh cơ quan sinh dục ngoài.

3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển:

- a. Năng lực:
- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động, tích cực tìm hiểu tranh ảnh, tư liệu,...
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả.
- b. Phẩm chất:
- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng tập thể, phối hợp với bạn bè trong học tập.
 - Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết vận dụng những kiến thức đã học vào trong cuộc sống.
 - Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể, yêu quý mọi người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động			
	*Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn	- GV cho HS hát múa bài: <i>Dạy bé vệ sinh cá nhân</i> - Hỏi: Kể cho cô và các bạn biết một số việc làm hàng ngày của con để giữ vệ sinh cơ thể?	- HS hát, vận động - HS trả lời - Lắng nghe, ghi bài.	Slide

	dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	- GV giới thiệu, dẫn dắt vào bài học. - Giới thiệu nhân vật đồng hành và giới thiệu 4 đội thi.	- 4 đội chơi chào hỏi	
2. Khám phá:				
7'	*Mục tiêu: HS nhận biết và xử lý các bức tranh để thực hiện vệ sinh cơ thể tuổi dậy thì.	GV tổ chức cho HS tìm hiểu kiến thức qua 3 vòng thi *Vòng 1: Thử thách Sạch Sẽ - Nhân vật đồng hành nêu yêu cầu: <i>Hãy quan sát các tranh sau và cho biết: Việc làm của bạn nhỏ chưa đúng ở điểm nào? Hãy tư vấn cách làm đúng cho bạn ấy.</i> + Mảnh ghép 1: Hình 12 + Mảnh ghép 2: Hình 13 + Mảnh ghép 3: 1 HS lười tắm, lười cắt tóc + Mảnh ghép 4: 1 HS chưa rửa tay sau khi đi vệ sinh. ? Cho cô biết hình ảnh này nói lên điều gì? - GV chốt: Các con thấy việc thực hiện vệ sinh cơ thể hàng ngày có quan trọng không ? ? Nêu lại một số việc làm đúng để vệ sinh cơ thể tuổi dậy thì. - HS nêu, GV chốt gắn băng nội dung SGK trang 90. - Xem video bác sĩ tư vấn.	+ Bạn nhỏ tắm chưa sạch xà phòng trên người, chưa lau khô người đã mặc quần áo. Bạn ấy cần tắm lại bằng nước sạch, sau đó lau khô người bằng khăn rồi mới mặc quần áo. + Bạn nhỏ định mặc quần lót khi còn ẩm. Bạn ấy nên phơi khô đồ lót, sau đó mới mặc. + Tóc bạn đã rất dài, cơ thể bốc mùi nên các bạn xa lánh. Bạn ấy cần vệ sinh tắm sạch sẽ hàng ngày, cắt tóc gọn gàng. + Bạn nhỏ chưa rửa tay sau khi đi vệ sinh. Bạn cần rửa tay sạch sẽ bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. - HS trả lời. - HS nêu các ý trong SGK trang 90	Slide

		- Chuyên ý và giới thiệu vòng thi thứ 2		
8'	*Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn khi chăm sóc, vệ sinh cơ quan sinh dục.	*Vòng 2: Bí kíp Sạch Khỏe - Nêu thể lệ của vòng thi thứ 2 Trong vòng thi thứ 2 này các đội chơi của chúng ta cùng thực hiện nhiệm vụ sau: + Đọc thông tin trong SGK mục 2 trang 91, kết hợp với những hiểu biết của mình: Hãy thảo luận nhóm trong thời gian 4 phút, nêu cách giữ vệ sinh cơ quan sinh dục tuổi dậy thì. - GV: Đã hết thời gian thảo luận xin mời các nhóm trình bày ý kiến. - HS giao lưu. Xin mời ý kiến của các nhóm còn lại. - GV nhận xét, chốt cách vệ sinh cơ quan sinh dục tuổi dậy thì. *Liên hệ: + <i>Các con có biết tại sao phải vệ sinh các bộ phận này hàng ngày không? (Mục Em có biết)</i> + <i>Thế còn tại sao đối với các bạn nữ, đặc biệt là trong thời kì kinh nguyệt cần thay băng vệ sinh từ 3-4 giờ một lần?</i> - Chuyên ý và giới thiệu vòng thi thứ 3	- HS thảo luận nhóm lớn, ghi các ý kiến như SGK, bổ sung ý kiến nếu có. - HS trả lời trong mục Em có biết. - Cần thay băng vệ sinh 3-4 giờ một lần để giữ vùng kín sạch sẽ, khô thoáng, tránh vi khuẩn phát triển gây viêm nhiễm, ngứa ngáy và mùi khó chịu.	Slide
7'	*Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tự mình chăm sóc, vệ sinh cơ thể và sáng tạo các sản phẩm stem theo yêu cầu.	- GV hỏi về sự chuẩn bị phiếu học tập của HS. - GV phổ biến luật chơi của vòng 3. Các đội chơi sẽ có thời gian 3 phút để chia sẻ. - GV cho các nhóm chia sẻ, báo cáo kết quả. - Có nhóm nào mà tổ chuyên gia tư vấn không tư vấn được cho bạn nhóm mình không? - GV phỏng vấn, cho 1 vài HS chia sẻ phiếu của mình trước lớp.	- HS các nhóm thảo luận nhóm trao đổi kết quả. - HSTL - HS đọc bài làm của mình. - HS giơ tay theo thang điểm	Slide

		- GV cho HS tự đánh giá việc thực hiện chăm sóc, vệ sinh cơ thể của chúng mình. - GV nhận xét, khen HS. - GV giới thiệu thử thách của nhân vật đồng hành: + Hãy vận dụng những kiến thức đã học để sáng tạo ra một “Cẩm nang chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì”. + Theo các con một “Cẩm nang chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì” mà bác sĩ Biết Tuốt mong muốn cần đảm bảo những tiêu chí nào? - GV cho HS thực hiện các sản phẩm theo nhóm trong 3 phút. 1 HS lên điều khiển phần báo cáo kết quả và trưng bày sản phẩm. - HS các nhóm đánh giá sản phẩm theo các tiêu chí. -GV nhận xét, tổng kết cuộc thi và trao quà tặng	- HS nêu các tiêu chí: 1. Dễ hiểu, gần gũi với lứa tuổi 2. Kiến thức chính xác, khoa học 3. Tính thực tế, giải đáp được thắc mắc thường gặp 4. Sản phẩm sáng tạo, có tính thẩm mỹ. -Các nhóm báo cáo: Nhóm chúng con đã có ý tưởng và đã phân công nhau làm việc	
5'	3. Vận dụng, trải nghiệm			
	*Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức ứng dụng vào thực tế cuộc sống. + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.	- GV và lớp nhận xét. Rút ra bài học cho bản thân. - GV tuyên dương những nhóm có sản phẩm ấn tượng. - Dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe và thực hiện.	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- 1. Học sinh thực hiện được:** Xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ.
- 2. Học sinh vận dụng được:** Khai thác lược đồ, hình ảnh và thông tin để tìm hiểu về khu vực Đông Nam Á.
- 3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển năng lực:**
- a. Năng lực:
 - Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện các nhiệm vụ học tập.
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khai thác sử dụng được thông tin của một số tư liệu Lịch sử và Địa lí trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.
 - b. Phẩm chất:
 - Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về tư liệu địa lí.
 - Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- 1. Giáo viên**
- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
 - Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

- 2. Học sinh**
- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động			
	*Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.	- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK (trang 90) thảo luận theo nhóm bàn và trả lời các câu hỏi sau: Dựa vào kiến thức của bản thân và quan sát hình 1, em hãy: + Cho biết các quốc gia ở khu vực nào tham gia sự kiện này? + Chia sẻ hiểu biết của em về sự kiện này.	- Cả lớp quan sát tranh. - HS thảo luận, trao đổi với bạn cùng bàn và ghi kết quả thảo luận ra nháp. - Đại diện một số nhóm trình bày.	Slide

		- GV mời một số nhóm trình bày  ▲ Hình 1. Biểu trưng và linh vật của Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games) lần thứ 31 tại Việt Nam - Theo em ở Đại hội thể thao này gồm những môn thể thao nào? - GV tổ chức cho HS xem một đoạn video giới thiệu về một số môn thể thao ở SEA game 31. https://youtu.be/3cg3UZ0Ez7o?si=XMIZd9M5UScGPSDD - GV dẫn dắt vào bài mới: SEA game 31 là một sự kiện văn hóa – thể thao lớn của khu vực Đông Nam Á, tổ chức thường niên 2 năm một lần. Những hình ảnh chúng ta vừa tìm hiểu là sự kiện được tổ chức tại Việt Nam vào năm 2021 và có sự tham gia của 11 nước Đông Nam Á. Vậy Đông Nam Á ở đâu và gồm những nước nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay	+ Các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á tham gia vào sự kiện này. + Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 được tổ chức tại Việt Nam, linh vật là Sao La,... - HS trả lời: Bơi, chạy, đấu kiếm, võ,... - HS quan sát. - HS lắng nghe, ghi bài.	
15'	2. Khám phá			
	Hoạt động 1: Vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á *Mục tiêu: + Xác định được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á và các nước trong khu vực Đông Nam Á trên bản đồ hoặc lược đồ.	- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục 1 và quan sát hình 2. Lược đồ các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi và trả lời các câu hỏi sau: + Xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á. + Kể tên các nước trong khu vực Đông Nam Á	- HS đọc thông tin và quan sát tranh, thảo luận theo nhóm đôi và trả lời câu hỏi. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. + Khu vực Đông Nam Á ở phía đông nam của châu Á, tiếp giáp với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.	Slide Tư liệu



▲ Hình 2. Lược đồ các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:
- + Khu vực Đông Nam Á ở phía đông nam châu Á.
- + Tiếp giáp với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
- + Đông Nam Á gồm có 11 nước: Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Ti-mo Lét-xtê, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây; gồm hai bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.
- GV tổ chức cho HS xác định vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á và các nước trên lược đồ.
- GV gọi HS lên xác định vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á.
- GV gọi HS lên xác định vị trí các nước trong bộ phận Đông Nam Á lục địa và vị trí các nước trong phần Đông Nam Á hải đảo.
- GV mở rộng: Đông Nam Á có vị trí mang tính chiến lược ở khu vực châu Á và trên thế giới. Đông Nam Á nằm trên điểm kết nối của một trong hai tuyến đường hàng hải nhộn

- + Đông Nam Á gồm có 11 nước: Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Ti-mo Lét-xtê, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây; gồm hai bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.
- HS lắng nghe.

- HS quan sát lược đồ trên bảng lớp và xác định vị trí khu vực và các nước Đông Nam Á.
- 2 HS lên xác định trên lược đồ.

- + Đông Nam Á lục địa: Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma.
- + Đông Nam Á hải đảo: In-đô-nê-xi-a, Ti-mo Lét-xtê, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây
- HS lắng nghe.

		nhịp nhất thể giới và là nơi giao thoa của hai nền văn minh lớn (Trung Hoa và Ấn Độ). Tất cả các đặc điểm trên tạo thuận lợi cho các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á tiếp cận và giao lưu, hợp tác và buôn bán với những nền kinh tế lớn nhất thế giới.																																			
10'	3. Luyện tập, thực hành																																				
	*Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức về các quốc gia Đông Nam Á + Rèn luyện kỹ năng sử dụng lược đồ.	- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc lại nội dung kiến thức của bài học và xác định vị trí khu vực và các nước trong khu vực Đông Nam Á. - GV tổ chức cho HS thảo luận trao đổi với bạn trong bàn, khai thác lược đồ hình 2 trang 91 định vị các quốc gia bằng thước kẻ hoàn thành bảng kiểm sau: BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ XÁC ĐỊNH CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN CỦA ASEAN TRÊN LƯỢC ĐỒ <table><tr><th>STT</th><th>Nội dung</th><th>Có/không</th></tr><tr><td>1</td><td>Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Việt Nam trên lược đồ (có thể xác định bằng cách chỉ vào một vị trí ở giữa của quốc gia (hoặc thủ đô) hoặc đi thuộc theo biên giới lãnh thổ của quốc gia)</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Thái Lan trên lược đồ</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Lào trên lược đồ</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Cam-pu-chia trên lược đồ</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Mi-an-ma trên lược đồ</td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Ma-lai-xi-a trên lược đồ</td><td></td></tr><tr><td>7</td><td>Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Xin-ga-po trên lược đồ</td><td></td></tr><tr><td>8</td><td>Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Phi-líp-pin trên lược đồ</td><td></td></tr><tr><td>9</td><td>Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Bru-nây trên lược đồ</td><td></td></tr><tr><td>10</td><td>Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của In-đô-nê-xi-a trên lược đồ</td><td></td></tr></table> - GV tổng kết - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm	STT	Nội dung	Có/không	1	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Việt Nam trên lược đồ (có thể xác định bằng cách chỉ vào một vị trí ở giữa của quốc gia (hoặc thủ đô) hoặc đi thuộc theo biên giới lãnh thổ của quốc gia)		2	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Thái Lan trên lược đồ		3	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Lào trên lược đồ		4	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Cam-pu-chia trên lược đồ		5	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Mi-an-ma trên lược đồ		6	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Ma-lai-xi-a trên lược đồ		7	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Xin-ga-po trên lược đồ		8	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Phi-líp-pin trên lược đồ		9	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Bru-nây trên lược đồ		10	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của In-đô-nê-xi-a trên lược đồ		- HS lắng nghe và thực hiện. - HS tham gia trao đổi với bạn. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.	Slide Lược đồ
STT	Nội dung	Có/không																																			
1	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Việt Nam trên lược đồ (có thể xác định bằng cách chỉ vào một vị trí ở giữa của quốc gia (hoặc thủ đô) hoặc đi thuộc theo biên giới lãnh thổ của quốc gia)																																				
2	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Thái Lan trên lược đồ																																				
3	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Lào trên lược đồ																																				
4	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Cam-pu-chia trên lược đồ																																				
5	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Mi-an-ma trên lược đồ																																				
6	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Ma-lai-xi-a trên lược đồ																																				
7	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Xin-ga-po trên lược đồ																																				
8	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Phi-líp-pin trên lược đồ																																				
9	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của Bru-nây trên lược đồ																																				
10	Xác định và chỉ chính xác vào lãnh thổ của In-đô-nê-xi-a trên lược đồ																																				
5'	4. Vận dụng:																																				
	*Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức ứng dụng vào thực tế cuộc sống. + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.	- GV mời HS chia sẻ một số hiểu biết của mình về các nước Đông Nam Á (ngoài Lào và Cam – pu – chia đã học) - GV nhận xét tuyên dương. - GV cho HS xem một số hình ảnh kiến trúc, văn hóa và con người ở các nước Đông Nam Á. - Nhận xét sau tiết dạy.	- 4 – 5 HS chia sẻ trước lớp. - HS lắng nghe - HS quan sát tranh, ảnh. - HS lắng nghe.	Slide																																	

		- Dẫn dò về nhà học sinh sưu tầm về hình ảnh quốc kì của một số quốc gia ở Đông Nam Á.		
--	--	--	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được:

- Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

2. Học sinh vận dụng được:

- Phát triển năng lực nhận thức lịch sử, địa lí thông qua sưu tầm tư liệu phù hợp theo yêu cầu và năng lực tư duy lịch sử.
- Có khả năng vận dụng kiến thức lịch sử, địa lí để giải quyết các vấn đề thực tiễn hiện nay.

3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển năng lực:

- a. Năng lực:
- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực sưu tầm, tìm hiểu một số tư liệu lịch sử về ASEAN.
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khai thác sử dụng được thông tin của một số tư liệu Địa lí trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.
- b. Phẩm chất:
- Phẩm chất yêu nước: Trân trọng vai trò giá trị của đất nước khi gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
 - Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.
 - Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động			
	*Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS	- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “ Nhìn hình đoán tên ”. GV sẽ cho HS bắt cặp để thi đấu, HS sẽ cùng quan sát một	- Cả lớp quan sát tranh. - HS bắt cặp tham gia trò chơi.	Slide

và kết nối với bài học mới.

số tranh ảnh về phong cảnh, di tích lịch sử, cảnh đẹp nổi tiếng,... đặt trung của các quốc gia Đông Nam Á. Sau khi quan sát, học sinh nhanh tay oản tù tì để giành quyền trả lời.



a.



b.



c.



d.

- GV nhận xét, tuyên dương.
- Giáo viên tổng kết lại và dẫn dắt học sinh vào nội dung bài.

- a. Lào
- b. Cam-pu chia
- c. Thái Lan
- d. Ma-lai-xi-a

- HS lắng nghe.
- HS lắng nghe.

15'

2. Khám phá

	Hoạt động 1: Sự ra đời của ASEAN *Mục tiêu: + Nêu được sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).	- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục 2 a) Sự ra đời của ASEAN. - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi và trả lời các câu hỏi sau: + Nêu sự ra đời của ASEAN. + Kể tên các quốc gia gia nhập ASEAN từ năm 1967 cho đến nay. - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: + Ngày 8-8-1967, tại Băng Cốc (Thái Lan), 5 nước: Thái Lan, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a đã kí tuyên bố thành lập “Hiệp hội các nước Đông Nam Á”, viết tắt là ASEAN. + Mục tiêu chung của ASEAN là đoàn kết và hợp tác để giữ hòa bình, an ninh, ổn định khu vực và cùng nhau phát triển kinh tế xã hội. + Sau năm 1967, ASEAN lần lượt kết nạp thêm các quốc gia: Bru-nây, Việt Nam Lào, Mi-an-ma, Cam-pu-chia. + Tính đến năm 2022, đã có 10 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á là thành viên của ASEAN. - GV tổ chức cho HS quan sát hình 3. Cờ của ASEAN và đọc thông tin về lá cờ ở mục Em có biết? + Ti-mo Lét-xtê đã là thành viên của ASEAN chưa? - GV mở rộng: Tháng 11-2022, tại hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 40,41 ở Cam-pu-chia, tuyên bố về việc Ti-mo Lét-stê xin gia nhập	- HS đọc thông tin và quan sát tranh. - HS thảo luận theo nhóm đôi và trả lời câu hỏi. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. + Ngày 8-8-1967, tại Băng Cốc (Thái Lan), 5 nước: Thái Lan, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a đã kí tuyên bố thành lập Hiệp hội các nước Đông Nam Á, viết tắt là ASEAN. + Các quốc gia gia nhập ASEAN từ năm 1967 cho đến nay là: Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan, Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây - HS lắng nghe. - HS quan sát và đọc thông tin.	Slide Tài liệu
--	---	---	---	-----------------------

		ASEAN được thông qua. Theo đó, ASEAN nhất trí về nguyên tắc việc kết nạp Ti-mo Lét-stê là thành viên thứ 11; trao quy chế quan sát viên và cho phép nước này tham gia tất cả các hội nghị của ASEAN.	- Ti-mo Lét-xtê chưa là thành viên của ASEAN. - HS lắng nghe.	
	Hoạt động 2: Việt Nam trong ASEAN *Mục tiêu: + Nêu được ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).	- Việt Nam gia nhập ASEAN vào thời gian nào? Và là thành viên thứ bao nhiêu của Hiệp hội này? - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc thông tin và quan sát hình 4 để thực hiện nhiệm vụ sau: Hãy nêu ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN.  ▲ Hình 4. Hội nghị Cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội năm 1998 - GV cho HS thảo luận và làm vào bảng nhóm, nhóm nào hoàn thành nhanh nhất sẽ dán bảng lớp và trình bày. Các nhóm khác bổ sung. - GV gọi đại diện nhóm lên trình bày. - GV gọi đại diện các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét và chốt nội dung: + Là sự kiện đánh dấu quá trình hội nhập khu vực của Việt Nam và tiến trình hợp tác, liên kết của cả khu vực. + Tạo cho Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển kinh tế nhờ mở rộng thị trường tiêu thụ và thu hút vốn đầu tư nước ngoài; mở rộng giao lưu văn hóa. Tạo cơ hội việc làm và	- Ngày 28-7-1995, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN và là thành viên thứ 7 của Hiệp hội này. - HS lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu. - HS thảo luận theo nhóm (tổ). - Đại diện nhóm trình bày. + Tạo ra nhiều cơ hội để phát triển kinh tế. + Tạo cơ hội việc làm và nâng cao năng lực của người lao động. + Nâng cao vị thế trong ASEAN và trên thế giới. - HS nhận xét và bổ sung. - HS lắng nghe. - HS đọc bảng thông tin. - Chủ nhà hội nghị cấp cao ASEAN 6, chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN (2000-2001), Chủ tịch ASEAN (2010, 2020),...	

		nâng cao năng lực của người lao động. + Nâng cao vị thế trong ASEAN và trên thế giới. - GV tổ chức cho HS khai thác thông tin từ mục Em có biết? + Dựa vào bảng thông tin, em hãy cho biết từ khi gia nhập đến nay, Việt Nam đã đảm nhận nhiều vai trò và đang cai những gì?		
10'	3. Luyện tập, thực hành			
	*Mục tiêu: + củng cố những kiến thức về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) + Rèn luyện kỹ năng sử dụng lược đồ.	- Qua các hoạt động đã làm, GV tổ chức cho HS chơi trò chơi củng cố kiến thức: Câu 1: Khi mới thành lập ASEAN gồm bao nhiêu nước? A. 4 nước B. 5 nước C. 6 nước D. 7 nước Câu 2: Đây là tên viết tắt của Hiệp hội các nước Đông Nam Á? A. ASEM B. WHO C. ASEAN D. APCE Câu 3: Việt Nam gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á vào: A. 8 – 11 – 1967 B. 8 – 8 – 1967 C. 8 – 7 – 1995 D. 28 – 7 – 1995 Câu 4: ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN. A. Là sự kiện đánh dấu quá trình hội nhập khu vực của Việt Nam và tiến trình hợp tác, liên kết của cả khu vực. B. Tạo cho Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển kinh tế	- HS tham gia trò chơi. - Trả lời: - Chọn: B. 5 nước - Chọn: C. ASEAN - Chọn: D. 28 – 7 – 1995 - Chọn: D. Cả A, B, C - HS lắng nghe.	Slide Tư liệu

		C. Nâng cao vị thế trong ASEAN và trên thế giới. D. Cả A, B, C - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.		
5'	4. Vận dụng:			
	*Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức ứng dụng vào thực tế cuộc sống. + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.	- GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh về việc sưu tầm hình ảnh quốc kì của một số quốc gia thành viên ASEAN. - GV cho HS thảo luận theo nhóm tổ và dán hình ảnh quốc kì của một số quốc gia thành viên ASEAN vào trong bảng nhóm. Sau đó các bạn sẽ lần lượt giới thiệu về tên quốc gia tương ứng với quốc kì mà mình đã sưu tầm. - GV gọi đại diện các nhóm lên giới thiệu, chia sẻ hình ảnh quốc kì của một số quốc gia thành viên ASEAN mà nhóm mình đã sưu tầm. - Các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- HS chuẩn bị tranh ảnh mà mình đã sưu tầm. - HS lắng nghe và thực hiện. HS trao đổi chia sẻ với các bạn trong nhóm. - Đại diện các nhóm dán bảng và giới thiệu về các quốc kì mà mình đã sưu tầm. - HS nhận xét bạn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. - HS lắng nghe.	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được:

- Hiểu vì sao phải phòng, tránh xâm hại.
- Nêu được một số biểu hiện xâm hại, nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.

2. Học sinh vận dụng được: Thực hiện được một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại.

3. Học sinh có cơ hội hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất.

a. Năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ tự học, tự điều chỉnh hành vi, thái độ lời nói và biết thiết lập, duy trì mối quan hệ bạn bè.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tìm hiểu và tham gia những hoạt động thể hiện sự quý trọng bạn bè.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

b. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Yêu mến, đoàn kết, chia sẻ với bạn bè
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5’	1. Khởi động: <i>*Mục tiêu:</i> + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	- GV tổ chức cho HS tham gia chơi trò chơi “Tiếp sức”: <i>Kể tên các hành vi xâm hại trẻ em.</i> + GV chọn 2 đội chơi (trên tinh thần xung phong), mỗi đội 3 HS. + GV chia bảng làm 2 cột, phổ biến luật chơi: Lần lượt từng thành viên trong mỗi đội ghi 1 hành vi xâm hại trẻ em.	- HS tham gia chơi. - Các HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, đánh giá.	Slide

		Trong thời gian 3 phút, đội nào có nhiều đáp án đúng hơn sẽ thắng.		
25'	2. Khám phá			
	*Mục tiêu: HS hiểu vì sao phải phòng tránh xâm hại.	Hoạt động 2: Tìm hiểu vì sao phải phòng tránh xâm hại <i>Nhiệm vụ 1: Dự đoán hậu quả</i> – Bằng kỹ thuật Tia chớp, GV hướng dẫn HS quan sát tranh ở Hoạt động 1 để trả lời câu hỏi: <i>Em hãy dự đoán điều gì có thể xảy ra đối với các bạn trong tranh.</i> – GV lần lượt chiếu từng tranh, mời HS trả lời câu hỏi.	– HS quan sát tranh, suy nghĩ, xung phong trả lời nhanh. – Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có). + Tranh 1: bạn nam bị người đàn ông đánh gây đau đớn, bạn có thể phải chịu những vết sẹo, những di chứng trên cơ thể suốt đời, có thể gây chậm phát triển khả năng vận động, ngôn ngữ, nhận thức, giao tiếp xã hội,... + Tranh 2: bạn nữ bị người đàn ông sờ vào người gây khó chịu, sợ hãi. Nếu sự việc này lặp lại nhiều lần, bạn có thể bị hoảng loạn tinh thần, không tin tưởng vào người khác; buồn rầu, chán nản và tự đổ lỗi, không còn yêu thương quý trọng bản thân;... + Tranh 3: bạn nam đói, mệt mà bố không quan tâm. Bạn có thể bị gầy yếu, suy dinh dưỡng, lo âu, trầm cảm, thậm chí rối loạn căng thẳng,... + Tranh 4: bạn nam bị mẹ mắng ở nơi công cộng khiến bạn xấu hổ. Bạn có thể trở nên tự ti, mặc cảm với bản thân và nghĩ rằng mẹ không yêu thương	Slide Phiếu học tập

			mình, từ đó bạn dần xa lánh bố mẹ, bạn bè,...	
	*Mục tiêu: HS hiểu hậu quả của việc bị xâm hại và có cách ứng xử phù hợp.	<i>Nhiệm vụ 2: Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi</i> – GV hướng dẫn HS đọc 4 trường hợp ở mục 2 Hoạt động Khám phá, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi: <i>Em hãy nêu những hậu quả mà các bạn Hạt, Cân, Mận, Khởi phải gánh chịu.</i> – GV mời đại diện nhóm trả lời câu hỏi (lần lượt mỗi nhóm trả lời 1 trường hợp). – GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận.	– HS đọc trường hợp, thảo luận nhóm đôi, viết tóm tắt câu trả lời ra nháp. – HS đại diện nhóm, xung phong trả lời câu hỏi. – Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có). + Trường hợp a: Bạn Hạt ngày càng trở nên nhút nhát, sợ sệt và chậm chạp hơn do bị trách mắng nhiều. + Trường hợp b: Bạn Cân trở nên lì đòn, hay cáu kỉnh và bắt nạt các bạn trong lớp do bạn thường xuyên bị đánh. + Trường hợp c: Mận gần như rơi vào trạng thái trầm cảm, ít nói, ít cười, không chia sẻ với ai, đặc biệt là rất sợ hãi người khác giới vì bạn từng suýt bị xâm hại. + Trường hợp d: Anh em bạn Khởi không được quan tâm, chăm sóc chu đáo do bố mẹ bạn thường xuyên vắng nhà nhiều ngày, khiến cho hai anh em còi cọc và kết quả học tập không tốt.	Slide
	*Mục tiêu: HS hiểu lí do cần phải phòng tránh bị xâm hại.	<i>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu lí do phải phòng, tránh xâm hại</i> – GV áp dụng kĩ thuật khăn trải bàn, hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi: <i>Theo em, vì sao phải phòng, tránh xâm hại?</i> – GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.	– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, viết vào góc khăn trải bàn. – HS thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, viết vào giữa khăn trải bàn.	Slide

		– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: Xâm hại trẻ em gây ra những tổn thương nghiêm trọng và lâu dài cả về thể chất và tâm lí đối với người bị xâm hại. Do vậy, việc phòng, tránh xâm hại trẻ em là việc làm hết sức cần thiết để trẻ em được lớn lên trong tình yêu thương, được chăm sóc và phát triển toàn diện.	– Các nhóm đính kết quả thảo luận lên bảng. Đại diện nhóm trình bày kết quả. – Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có). - Cần phải phòng, tránh xâm hại vì nó để lại nhiều tổn thương nghiêm trọng + Về thể chất: chậm phát triển khả năng vận động, nhận thức, ngôn ngữ,... + Về hành vi: lệ thuộc, thụ động, hoàn toàn phục tùng người khác hoặc trở nên tiêu cực, hiếu chiến, phá phách, không yêu thương bản thân, có thể tự làm đau mình; + Về tâm lí: Bị hoảng loạn tinh thần, không tin tưởng vào người khác và môi trường xung quanh; buồn rầu, chán nản và tự đổ lỗi; khả năng tập trung kém; không còn yêu thương quý trọng bản thân, tự ti, tự hạ thấp giá trị bản thân,...	
	*Mục tiêu: HS biết một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng tránh xâm hại trẻ em.	Hoạt động 3: Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em – GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK mục 3 của hoạt động Khám phá, làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi: + <i>Pháp luật quy định thế nào là xâm hại trẻ em?</i> + <i>Người có hành vi xâm hại trẻ em sẽ phải chịu những hình phạt như thế nào?</i> + <i>Ai có trách nhiệm phòng, tránh xâm hại trẻ em?</i>	– HS làm việc cá nhân, đọc thông tin – Một số HS xung phong trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. + Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lí, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua	Slide

		+ <i>Số tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em là gì?</i> – GV mời một HS đọc to thông tin cho cả lớp cùng nghe. – GV mời một vài HS trả lời câu hỏi. – GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả làm việc của HS và kết luận: <i>Trẻ em cần được bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự. Phòng, tránh xâm hại trẻ em không chỉ là trách nhiệm của cá nhân, gia đình mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội.</i>	bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác (Khoản 5 Điều 4 Luật Trẻ em 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2018). + Bất kì hành vi nào làm tổn hại đến trẻ em, tùy theo mức độ, tính chất và hậu quả có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. + Phòng, tránh xâm hại trẻ em là trách nhiệm của toàn xã hội. + Số tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em là 111.	
5'	3. Vận dụng trải nghiệm. *Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	- Hướng dẫn HS làm việc nhóm để sưu tầm tranh, ảnh, truyện, về phòng, tránh xâm hại, giờ học sau sẽ triển lãm và trình bày sản phẩm trước lớp. - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS học tích cực. - Nhắc nhở HS khắc phục những tồn tại trong tiết học. - Nhắc nhở HS chuẩn bị bài tiết sau	- HS lắng nghe và thực hiện.	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- 1. Học sinh thực hiện được:** Mô tả được cách tạo ra điện từ ánh sáng mặt trời.
- 2. Học sinh vận dụng được:** Nhận biết và mô tả được các bộ phận chính của mô hình điện dùng ánh sáng mặt trời.
- 3. Học sinh có cơ hội hình thành, phát triển:**
- a. Năng lực:
- Năng lực tự chủ, tự học: HS tự tin khi tìm hiểu về quá trình lắp ráp mô hình; HS chủ động khám phá bài học và tự nhận xét được kết quả học tập của mình, của bạn.
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Lắp được một số mô hình điện gió ngoài sách giáo khoa.
 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng giao tiếp, trình bày ý tưởng khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập được giao.
- b. Phẩm chất:
- Phẩm chất chăm chỉ: HS chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi, mở rộng hiểu biết và vận dụng được kiến thức đã học.
 - Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ học tập, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- 1. Giáo viên**
- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
 - Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- 2. Học sinh**
- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động: *Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	- GV chiếu video về năng lượng mặt trời (pin mặt trời, cách phát điện bằng năng lượng mặt trời hoặc nguyên lí hoạt động của hệ thống điện mặt trời hòa lưới,...) - GV yêu cầu HS viết những gì quan sát xem được trong video và đưa ra câu hỏi (nếu có) - GV mời HS chia sẻ phần ghi chép của mình.	- HS xem video, - HS chú ý ghi chép lại hoặc lưu ý những ý chính để có thể trình bày - HS chia sẻ nội dung đã ghi lại được cho cả lớp. Lớp chia sẻ, nhận xét.	Slide

		- GV tuyên dương khen ngợi và dẫn dắt vào bài học mới: Xã hội phát triển cho ra đời rất nhiều các mô hình tiện ích phục vụ cho đời sống con người, không thể không kể đến đó là mô hình điện mặt trời. Vậy mô hình điện mặt trời là thế nào chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài ngày hôm nay nhé!	- HS theo dõi. - HS lắng nghe.	
10'	2. Khám phá			
	*Mục tiêu: HS hiểu được quá trình tạo ra điện từ năng lượng mặt trời.	- GV cho HS quan sát hình 1 SGK và đọc thông tin ở trang 44 SGK. - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Nhanh tay nhanh mắt”. GV chia lớp thành 2 đội. - GV chuẩn bị sẵn 2 đoạn văn như sau: Cách tạo ra điện từ ánh sáng mặt trời: Pin mặt trời hấp thụ ...(1)... mặt trời và chuyển đổi ...(2)... ánh sáng thành năng lượng ...(3)... + Trong thời gian 1 phút địa diện 2 đội lên gắn thẻ tương ứng vào vị trí sao cho phù hợp. - GV yêu HS nhận xét - GV nhận xét chốt kết quả đúng, tìm ra đội chiến thắng, tuyên dương HS.	- HS quan sát tranh, 1HS đọc to thông tin SGK trang 44 - HS lắng nghe và nắm luật chơi - HS tham gia chơi: (1) ánh sáng (2) năng lượng (3) điện - HS nhận xét - HS lắng nghe.	Slide
	*Mục tiêu: HS biết sự khác nhau giữa cách tạo ra điện từ ánh sáng mặt trời và cách tạo ra điện từ gió	- GV yêu cầu HS đọc phần Thông tin cho em ở trang 45 SGK - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 6, chuẩn bị thuyết trình về “Sự khác nhau giữa cách tạo ra điện từ ánh sáng mặt trời và cách tạo ra điện từ gió”. - GV mời đại diện một số nhóm trình bày trước lớp - GV mời HS nhận xét, đóng góp ý kiến. - GV nhận xét, tổng hợp và kết luận.	- 1HS đọc. Các HS khác lắng nghe và theo dõi. - HS thảo luận nhóm 6 - HS trình bày. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và góp ý. - HS lắng nghe	Slide

	*Mục tiêu: HS biết về mô hình điện từ ánh sáng mặt trời.	- GV đưa ra sản phẩm mẫu – mô hình điện mặt trời và đặt câu hỏi: “Muốn biết mô hình gồm những bộ phận chính nào, chúng ta có những cách nào?” - GV mời 1 HS lên gỡ các mối ghép ra để khám phá các bộ phận chính của mô hình, GV hỗ trợ cùng HS. - GV đặt câu hỏi: Quan sát mô hình vừa tháo gỡ và tìm hiểu thêm SGK cho biết mô hình có những bộ phận chính nào? - GV mời các nhóm chia sẻ phần thảo luận. - Gọi HS nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận.	- HS lắng nghe - HS trả lời: quan sát kĩ, tháo máy ra, đọc sách, tìm hiểu thông qua mạng Internet... - 1HS lên tháo, lớp quan sát - HS khác quan sát - HS trả lời + Khung giá đỡ + Tấm pin mặt trời và dây dẫn điện + Đèn LED - HS nhận xét - HS lắng nghe.	Slide Bộ đồ dùng
5’	3. Vận dụng, trải nghiệm			
	*Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Hiểu ý đồng đội” + GV mời 2 đội tham gia trò chơi. + Mỗi đội 2 người. Trong đó, một người mô tả đặc điểm các bộ phận của mô hình điện mặt trời vừa tìm hiểu, người còn lại đoán và viết tên các bộ phận lên bảng. - GV gọi HS nx - GV nhận xét và tổng hợp lại thông tin. - GV dặn dò cho tiết học sau và nhắc học sinh về nhà chuẩn bị các vật liệu dụng cụ cần thiết để làm mô hình máy phát điện gió. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe và chọn đội tham gia chơi. - HS tham gia chơi - HS nhận xét, tìm ra đội chiến thắng - HS lắng nghe và thực hiện	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm
Tên bài học:
Chủ đề 7: Tham gia hoạt động xã hội
Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Thân thiện với người xung quanh
Tiết số: 80/Tổng số tiết: 105

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được:

- HS trình bày được những cách thiết lập quan hệ thân thiện với những người xung quanh và ý nghĩa của việc làm đó.
- HS xác định được những người cần thiết lập quan hệ thân thiện và cách thiết lập quan hệ thân thiện với họ.
- Rèn luyện và phát triển kỹ năng nghe – nói góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Học sinh vận dụng được:

- HS phân tích, lựa chọn được các hành vi, việc làm thể hiện cách ứng xử phù hợp nhằm thiết lập mối quan hệ thân thiện với những người xung quanh

3. Học sinh có cơ hội hình thành, phát triển:

- a. Năng lực:
- Năng lực tự chủ, tự học: Biết nhận biết, đánh giá được sự đóng góp và sự tiến bộ của các thành viên khi tham gia hoạt động xã hội.
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân
 - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong giao tiếp.
- b. Phẩm chất:
- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng bạn, yêu quý và chia sẻ cảm xúc của bạn.
 - Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ trong sinh hoạt.
 - Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tôn trọng tập thể, tôn trọng bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
	1. Khởi động			
5'	*Mục tiêu: Tạo cảm giác vui tươi, dẫn dắt, gợi mở HS bước vào hoạt động khám phá chủ đề.	- GV tổ chức trò chơi: Tung bóng - Giáo viên nêu cách chơi: Giáo viên tung bóng lần lượt cho từng học sinh và đề nghị học sinh nói tên	- HS lắng nghe thầy/cô giáo hướng dẫn cách chơi.	Slide

		một hoạt động xã hội bất kỳ mà em biết hoặc từng tham gia. - Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi. - Giáo viên mời 2 - 3 học sinh chia sẻ cụ thể hơn về một vài hoạt động xã hội: đơn vị tổ chức, mục đích tổ chức, thành phần tham gia,... - Kết luận: <i>Có rất nhiều loại hình hoạt động xã hội được tổ chức với những mục đích khác nhau nhưng đều mang những ý nghĩa riêng nhằm mục đích giúp cho con người, xã hội, cộng đồng trở nên tốt đẹp hơn.</i>	- Học sinh chơi dưới sự giám sát của giáo viên. - Học sinh chia sẻ theo yêu cầu của giáo viên. - Học sinh lắng nghe.	
10'	2. Hoạt động khám phá – Trải nghiệm chủ đề			
	a) Nhận diện về mối quan hệ thân thiện với những người xung quanh. *Mục tiêu: Học sinh xác định được những người cần thiết lập quan hệ thân thiện và cách thiết lập quan hệ thân thiện với họ.	*Trò chơi: Tung bóng - Giáo viên nêu luật chơi: Giáo viên tung bóng, bạn nào nhận được bóng thì chia sẻ về mối quan hệ thân thiện của em với những người xung quanh. *Chia sẻ những việc nên làm để thiết lập quan hệ thân thiện. - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, cùng nhau chia sẻ những nhiệm vụ sau: + Xác định những người em cần thiết lập quan hệ thân thiện. + Thảo luận những việc nên làm để thiết lập quan hệ thân thiện với những người xung quanh. + Lựa chọn những việc nên làm để thiết lập quan hệ thân thiện.	- Học sinh tham gia trò chơi: kể những mối quan hệ thân thiện của mình với những người xung quanh. - HS lắng nghe, nhận nhiệm vụ và thảo luận theo yêu cầu của giáo viên. - Đại diện các nhóm trình bày (ví dụ): + Những người em cần thiết lập quan hệ thân thiện: Làng xóm, người dân khu vực mình sinh sống, bạn bè, thầy cô, nhân viên trong trường,... + Những việc nên làm để thiết lập quan hệ thân	Slide Tài liệu

		- GV mời đại diện các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm góp ý, bổ sung. - GV nhận xét và kết luận: Để thiết lập mối quan hệ thân thiện với những người xung quanh, mỗi người nên tham gia vào những hoạt động chung, thực hiện những việc làm thể hiện sự đồng cảm, chia sẻ, quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ nhau khi cần thiết,... Và để làm được điều đó, chúng ta cần luôn luôn quan sát, trò chuyện để biết về hoàn cảnh, thói quen, sở thích của những người xung quanh mình.	thiện: Chia sẻ, đồng cảm, giúp đỡ, hỗ trợ khi cần thiết, cùng tham gia các hoạt động tập chung,... - Các nhóm góp ý bổ sung. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.	
	b) Thực hành thiết lập quan hệ thân thiện với những người xung quanh. *Mục tiêu: Học sinh phân tích, lựa chọn được các hành vi, việc làm thể hiện cách ứng xử phù hợp nhằm thiết lập mối quan hệ thân thiện với những người xung quanh.	* Sắm vai thể hiện cách ứng xử phù hợp để thiết lập quan hệ thân thiện. - GV chia nhóm và mời đại diện mỗi nhóm một học sinh bốc thăm để lựa chọn tình huống sắm vai của nhóm.  - GV mời HS làm việc nhóm, thảo luận để chuẩn bị sắm vai. - Giáo viên tổ chức cho các nhóm lên sắm vai thể hiện cách ứng xử trong tình huống đã bốc thăm được. - GV nhận xét, tuyên dương.	- Học sinh lên bốc thăm tình huống sắm vai. - HS thảo luận nhóm, lựa chọn cách ứng xử phù hợp để thiết lập quan hệ thân thiện phù hợp với tình huống nhóm mình bốc thăm được và luyện tập sắm vai. - Từng nhóm lên sắm vai trước lớp.	Slide Tài liệu

		*Thảo luận và nhận xét về cách ứng xử đã thể hiện để thiết lập quan hệ thân thiện. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm cũ, thảo luận và nhận xét về cách ứng xử đã thể hiện để thiết lập quan hệ thân thiện. - GV mời đại diện các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm góp ý, bổ sung. - GV nhận xét và kết luận: <i>Mỗi khi chúng ta biết cách thể hiện sự thân thiện thì sẽ tạo ra một không gian ấm áp khiến ai cũng cảm thấy tươi vui, hạnh phúc.</i>	- Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, góp ý, bổ sung. - Học sinh lắng nghe, nhận nhiệm vụ và thảo luận nhóm theo yêu cầu của giáo viên. - Đại diện các nhóm trình bày theo quan điểm riêng của nhóm. - Các nhóm góp ý bổ sung. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.	
10'	3. Hoạt động mở rộng và tổng kết			
	*Mục tiêu: Chia sẻ một kỉ niệm về cách ứng xử tốt đẹp của em đối với những người xung quanh.	Hoạt động chia sẻ kỉ niệm về cách ứng xử tốt đẹp của em đối với những người xung quanh. - GV mời HS thảo luận nhóm kể cho nhau nghe một kỉ niệm về cách ứng xử tốt đẹp của em đối với những người xung quanh: + Đó là hoạt động gì? Em giúp đỡ ai? Vì sao em cảm thấy ấn tượng với hoạt động đó? + Nêu cảm xúc của em sau khi làm việc đó? - GV mời đại diện các nhóm trình bày - GV biểu dương những việc tốt đẹp các em đã làm.	- HS thảo luận, nhớ lại và kể cho bạn nghe điều tốt đẹp em đã làm về cách ứng xử với mọi người và nêu cảm xúc của em về việc làm đó. - Đại diện các nhóm trình bày - Các nhóm góp ý, bổ sung. - HS lắng nghe.	Slide
10'	4. Vận dụng, trải nghiệm			
	*Mục tiêu: + Cùng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học	- GV đề nghị cả lớp cùng làm một động tác và nở một nụ cười thật tươi, rạng rỡ để thể hiện sự thân thiện với nhau.	- HS thể hiện sự thân thiện với bạn ngồi bên cạnh. - HS thực hiện.	Slide

	sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	- Giáo viên đề nghị học sinh tiếp tục thể hiện việc giao tiếp thân thiện với các bạn trong lớp, các bạn lớp khác và những người xung quanh. - Nhận xét, dặn dò.	- HS lắng nghe, chuẩn bị.	
--	---	--	---------------------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được:

- Học sinh đánh giá được những đóng góp của bản thân và những sự tiến bộ, những sự thay đổi của em khi tham gia hoạt động xã hội.
- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

2. Học sinh vận dụng được:

- Học sinh trải nghiệm ý nghĩa của hoạt động xã hội với bản thân và cộng đồng.
- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

3. Học sinh có cơ hội hình thành, phát triển:

a. Năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học: Đánh giá được sự đóng góp và sự tiến bộ của các thành viên khi tham gia hoạt động xã hội.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: năng lực thích ứng với cuộc sống.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thiết lập được mối quan hệ thân thiện với những người sống xung quanh.

b. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng, yêu quý, lắng nghe và cảm thông.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần cao trong các hoạt động xã hội.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng nề nếp, nội quy lớp học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
10'	1. Khởi động			
	*Mục tiêu: - Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. - Xây dựng kỹ năng quan sát, thực hành	* Trò chơi: Xe bus đến trường - Giáo viên nêu luật chơi: HS trả lời đúng một câu hỏi thì sẽ có một bạn được lên xe bus, trả lời đúng hết câu	- HS lắng nghe luật chơi - Học sinh tham gia trò chơi:	Slide

	để nhận ra khả năng của bản thân.	hỏi thì các bạn được xe bus đưa đến trường. - Câu hỏi dự kiến: + Lựa chọn những việc nên làm để thiết lập quan hệ thân thiện. + Nhận xét về cách ứng xử đã thể hiện để thiết lập quan hệ thân thiện. + Nêu những tiến bộ và thay đổi của em khi tham gia hoạt động xã hội. - GV Nhận xét, tuyên dương.	+ Những việc nên làm để thiết lập quan hệ thân thiện: Chia sẻ, đồng cảm, giúp đỡ, hỗ trợ khi cần thiết, cùng tham gia các hoạt động tập chung,... + Mỗi khi chúng ta biết cách thể hiện sự thân thiện thì sẽ tạo ra một không gian ấm áp khiến ai cũng cảm thấy tươi vui, hạnh phúc. + HS nêu theo cảm nhận của bản thân. - HS lắng nghe.	
10'	2. Sinh hoạt cuối tuần			
	*Mục tiêu: Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.	Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần (theo tổ) - GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nề nếp. + Thi đua của đội sao đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Lớp trưởng mời tổ trưởng các tổ báo cáo. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung. - GV nhận xét chung, tuyên dương. Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới (theo tổ) - GV yêu cầu lớp trưởng triển khai kế hoạch hoạt	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - 1 HS nêu lại nội dung.	Slide Sổ thi đua

		động tuần tới. Yêu cầu các tổ thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nề nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội sao đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý. - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.	- Lớp trưởng triển khai kế hoạch động tuần tới. - HS thảo luận tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giờ tay.	
15'	3. Sinh hoạt chủ đề: Đánh giá sự đóng góp của em khi tham gia hoạt động xã hội.			
	*Mục tiêu: + Học sinh đánh giá được những đóng góp của bản thân và những sự tiến bộ, những sự thay đổi của em khi tham gia hoạt động xã hội.	- GV mời HS thảo luận với nhiệm vụ sau: + Liệt kê những hoạt động xã hội mà em và các bạn đã thực hiện. + Kết quả thực hiện công việc. + Ý nghĩa của hoạt động xã hội đối với cộng đồng. + Nhận xét mức độ đóng góp của em khi tham gia hoạt động xã hội. - GV mời đại diện các nhóm trình bày. - GV nhận xét chung và kết luận: <i>Giáo viên nhận xét và bày tỏ sự tự hào với những đóng góp của học sinh, nhấn mạnh ý nghĩa của những đóng góp dù là nhỏ nhất nhưng cũng rất đáng trân trọng đối với cộng đồng, xã hội.</i> - Giáo viên mời học sinh làm việc cá nhân, nhận tờ bìa hình trái tim và ghi lại những thay đổi của bản thân	- HS thảo luận, chia sẻ theo yêu cầu của giáo viên. - Đại diện các nhóm trình bày, chia sẻ về sự đóng góp và cảm xúc của mình khi tham gia vào hoạt động xã hội; ý nghĩa của những hoạt động đó với cộng đồng xã hội. - Các nhóm góp ý, bổ sung. - HS lắng nghe. - HS nhận tờ bìa hình trái tim và ghi lại những thay đổi của bản thân khi tham gia hoạt động xã hội theo yêu cầu của giáo viên. - 2-3 HS chia sẻ - HS khác lắng nghe, nhận xét về sự tiến bộ của bạn. - HS lắng nghe.	Slide

		khi tham gia hoạt động xã hội với yêu cầu sau: + Về hợp tác. + Tự tin, + Trách nhiệm,... - GV mời một số học sinh lên chia sẻ những thay đổi, tiến bộ của bản thân khi tham gia hoạt động xã hội. - GV nhận xét chung và kết luận: <i>Sự tiến bộ của từng thành viên khi tham gia hoạt động xã hội: biết quan tâm đến người xung quanh, đến cộng đồng; biết lắng nghe ý kiến người khác; biết làm việc nhóm, hợp tác; biết chia sẻ, trình bày ý kiến của mình. Các hoạt động xã hội không chỉ có ý nghĩa tích cực cho cộng đồng mà còn giúp cho mỗi chúng ta ngày càng tiến bộ và trưởng thành hơn.</i>		
5'	4. Vận dụng, trải nghiệm *Mục tiêu: - củng cố những kiến thức đã học. - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	- GV cùng cả lớp chụp hình kỷ niệm với những trái tim tự hào. - Khuyến khích học sinh vận động người thân cùng tiếp tục tham gia vào các hoạt động xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS giơ cao trái tim mình vừa ghi, tạo kiểu chụp hình cùng GV. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

Môn học: Âm nhạc
Tên bài học:
- Lý thuyết âm nhạc: Ôn tập
- Đọc nhạc: Bài số 4
Tiết số: 27/Tổng số tiết: 35

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Học sinh thực hiện được:

- Nhận biết và thể hiện được một số kí hiệu âm nhạc thông qua thực hành.

2. Học sinh vận dụng được:

- Bước đầu đọc đúng cao độ, trường độ bài đọc nhạc số 4.

3. Học sinh có cơ hội hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất.

a. Năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động kết hợp các động tác vận động phụ họa cùng với nhạc đệm.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

b. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất nhân ái: Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc trước vẻ đẹp của âm nhạc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Bài giảng điện tử, đàn.

- Học sinh: SGK Âm nhạc, thanh phách, song loan, sáo recorder hoặc kèn phím.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Hoạt động mở đầu			
	*Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS, kết nối với bài mới.	a) Khởi động - GV mở file trích đoạn âm thanh tác phẩm âm nhạc <i>Mơ-nuy-ết</i> và <i>Hành khúc</i> của cho cả lớp nghe. - GV cho HS thảo luận nhóm, chọn phương án phù hợp. - GV chốt đáp án, khen ngợi và động viên, khích lệ HS tích cực tham gia vào hoạt động tập thể. b) Kết nối.	- HS nghe và thảo luận.	Slide

		- Dẫn dắt HS vào các hoạt động tiếp theo.		
30'	2. Khám phá			
	Hoạt động 1: Lý thuyết âm nhạc: Ôn tập. *Mục tiêu: Tổng kết nội dung lý thuyết âm nhạc.	? Nêu từ còn thiếu ở các đầu chấm. - GV minh họa hình ảnh trong SGK (trang 56). ? So sánh sự giống nhau và khác nhau của nhịp 2/4, và nhịp 3/4. - Học sinh trả lời, giáo viên ghi đáp án lên bảng và tổng kết lại nội dung Lý thuyết âm nhạc đã học.	- HS thực hiện theo hướng dẫn. - HS trả lời và lắng nghe.	Slide
	Hoạt động 2: Đọc nhạc: Bài số 4 *Mục tiêu: HS ghi nhớ nốt, đọc đúng Bài số 4.	*Tìm hiểu bài đọc nhạc: Bài số 4 Vừa phải - Nhịp nhàng M. Ka-ra-xếp  - GV chiếu bài đọc nhạc số 4. ? Bài đọc nhạc số 4 viết ở nhịp bao nhiêu? ? Khuông nhạc 1 có những hình nốt nhạc nào? ? Khuông nhạc 2 có những hình nốt nhạc nào? - GV nhận xét. ? Em hãy nói tên nốt nhạc ở khuông nhạc 1? ? Em hãy nói tên nốt nhạc ở khuông nhạc 2? ? Nốt nhạc nào cao nhất, nốt nhạc nào thấp nhất trong bài? ? Bài đọc nhạc có điểm gì khác nhau: cao độ có lặp lại không; hình tiết tấu của khuông nhạc thứ nhất và khuông nhạc thứ hai giống hay khác nhau? *Đọc gam Đô trưởng. 	- HS quan sát bài đọc nhạc số 4. - Bài viết ở nhịp 3/4 - Hình nốt đơn, đen, trắng, chấm đôi. - Hình nốt đơn, đen, trắng, chấm đôi. - HS lắng nghe - Son, la, son, mi, mi, pha, mi, đô, rê, đô, rê, mi, pha, son, mi, chấm đôi. - HS trả lời.	Slide

		- Cho HS tự đọc cao độ và đọc theo cao độ của đàn cùng giáo viên. <i>*Đọc tiết tấu kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo phách:</i>  - Cho HS tiếp tục quan sát và tập gõ hình tiết tấu. Giáo viên nhắc HS chú ý điểm nhấn của nhịp 3/4. - Gõ mẫu từng câu tiết tấu cho học sinh nghe. - Cho học sinh thực hiện cùng giáo viên từ 2 - 3 lần. - Gọi HS đọc. - Đàn cao độ cả bài đọc nhạc cho học sinh nghe 1 lần trên đàn. - Đàn cao độ khuôn nhạc 1 cho học sinh nghe. - Đàn cao độ khuôn nhạc 2 cho học sinh nghe. - GV nhận xét và cho HS luyện tập, kết hợp vỗ tay theo phách. - GV nhận xét.	- HS đọc. - HS quan sát. - HS lắng nghe và thực hành.	
5'	3. Vận dụng			
	*Mục tiêu: HS ghi nhớ kiến thức, vận dụng vào thực tế.	- Cho cả lớp đọc lại bài đọc nhạc số 4 kết hợp gõ đệm theo phách. - Nhận xét ? Nội dung bài học hôm nay gồm mấy phần? - Nhận xét giờ học ngày hôm nay, động viên, khen ngợi các em có tinh thần học tập tốt, cần phát huy hơn nữa trong các tiết học sau.	- Lớp thực hành. - HS trả lời và lắng nghe.	Slide

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được:

- HS hoàn thành bài các môn trong ngày.
- HS nắm chắc kĩ năng cộng số đo thời gian.

2. Học sinh vận dụng được:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng giải quyết tình huống liên quan đến phép cộng số đo thời gian.

3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển:

- Kĩ năng tự học, tự giải quyết vấn đề.
- Giáo dục HS có ý thức cẩn thận khi làm bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động, kết nối *Mục tiêu: HS hoàn thành bài các môn (nếu có).	- Gọi HS nêu các môn học trong ngày. - GV nhận xét từng môn học về mức độ hoàn thành, nêu số bài chưa hoàn thành. - Hướng dẫn HS tự hoàn thành bài, GV uốn nắn cho từng HS và chốt kiến - GV nêu tên bài, mục tiêu, yêu cầu của bài học. - GV chiếu tên bài.	- HS nêu - HS lắng nghe - HS làm tiếp bài (nếu có) - HS lắng nghe - Ghi tên bài vào vở.	Slide
30'	2. Luyện tập Bài 1: Đặt tính rồi tính *Mục tiêu: HS rèn kĩ năng đặt tính cộng số đo thời gian.	- GV gọi HS đọc và phân tích đề. - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở. - Yêu cầu HS trình bày, đối vở soát bài. - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- HS đọc đề bài. - HS làm bài. - HS chữa bài, nhận xét. - Lắng nghe.	Slide
	Bài 2: Nam Anh đi từ nhà đến điểm xe	- GV gọi HS đọc và phân tích đề.	- HS đọc đề bài. - HS làm bài.	Slide

	bus hết 5 phút, sau đó đi xe bus đến trường hết 30 phút 18 giây. Hỏi Nam Anh đi từ nhà đến trường hết bao nhiêu thời gian? *Mục tiêu: HS rèn kĩ năng giải toán liên quan đến phép cộng số đo thời gian.	- Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở. - Yêu cầu HS trình bày, đổi vở soát bài. - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- HS chữa bài, nhận xét. - Lắng nghe.	Bảng phụ
	Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm. *Mục tiêu: HS rèn kiến thức về phép cộng số đo thời gian.	- GV gọi HS đọc và phân tích đề. - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở. - Yêu cầu HS trình bày, đổi vở soát bài. - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- HS đọc đề bài. - HS làm bài. - HS chữa bài, nhận xét. - Lắng nghe.	Slide Bảng phụ
	Bài 4: Hùng đi từ nhà đến nhà Quân hết 20 phút, sau đó lên xe ô tô của bố Quân đến Sở thú hết 2 giờ 14 phút. Hỏi Hùng đi nhà đến sở thú hết bao nhiêu thời gian? *Mục tiêu: HS rèn kĩ năng giải toán liên quan đến phép cộng số đo thời gian.	- GV gọi HS đọc và phân tích đề. - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở. - Yêu cầu HS trình bày, đổi vở soát bài. - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- HS đọc đề bài. - HS làm bài. - HS chữa bài, nhận xét. - Lắng nghe.	Slide Bảng phụ
3'	3. Vận dụng, trải nghiệm *Mục tiêu: Hệ thống hoá, tổng kết kiến thức.	- Con được ôn kiến thức gì qua tiết học hôm nay? - GV nhận xét tiết học. - GV dặn dò HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.	- HS nêu - HS lắng nghe	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

PHIẾU BÀI TẬP

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

a) 2 phút 30 giây + 3 phút 08 giây

b) 32 phút 72 giây + 21 phút 90 giây

c) 22 giờ 53 phút + 5 giờ 36 phút

d) 17 giờ 22 phút + 13 giờ 35 phút

Bài 2: Nam Anh đi từ nhà đến điểm xe bus hết 5 phút, sau đó đi xe bus đến trường hết 30 phút 18 giây. Hỏi Nam Anh đi từ nhà đến trường hết bao nhiêu thời gian?

Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

42 phút + 18 phút = phút

1 ngày + 15 giờ = giờ

18 giây + 25 giây = giây

35 phút + 49 phút = giờ phút

Bài 4: Hùng đi từ nhà đến nhà Quân hết 20 phút, sau đó lên xe ô tô của bố Quân đến Sở thú hết 2 giờ 14 phút. Hỏi Hùng đi nhà đến sở thú hết bao nhiêu thời gian?

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Học sinh thực hiện được:

- HS hoàn thành bài các môn trong ngày.
- HS biết dùng từ ngữ nối để liên kết câu.

2. Học sinh vận dụng được:

- Biết vận dụng cách dùng từ ngữ nối để liên kết câu theo yêu cầu.

3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển:

- Kỹ năng tự học, tự giải quyết vấn đề.
- Giáo dục HS có ý thức cẩn thận khi làm bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử
- Các thiết bị, học liệu, đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

2. Học sinh

- SGK, vở, đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Thời gian	Nội dung các hoạt động dạy học	Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	
5'	1. Khởi động, kết nối *Mục tiêu: HS hoàn thành bài các môn (nếu có).	- Gọi HS nêu các môn học trong ngày. - GV nhận xét từng môn học về mức độ hoàn thành, nêu số bài chưa hoàn thành. - Hướng dẫn HS tự hoàn thành bài, GV uốn nắn cho từng HS và chốt kiến - GV nêu tên bài, mục tiêu, yêu cầu của bài học. - GV chiếu tên bài.	- HS nêu - HS lắng nghe - HS làm tiếp bài (nếu có) - HS lắng nghe - Ghi tên bài vào vở.	Slide
30'	2. Luyện tập Bài 1: Chọn từ ngữ (cuối cùng, tiếp theo, sau đó, đầu tiên) vào chỗ trống để tạo sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn.	- GV gọi HS đọc và phân tích đề. - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở. - Yêu cầu HS trình bày, đối vở soát bài. - GV nhận xét.	- HS đọc đề bài. - HS làm bài. - HS chữa bài, nhận xét. - Lắng nghe.	Slide

	*Mục tiêu: HS chọn được từ nối để liên kết câu.			
	Bài 2: Điền từ nối thích hợp vào chỗ trống để tạo sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn. *Mục tiêu: HS biết cách sử dụng từ nối để liên kết câu.	- GV gọi HS đọc và phân tích đề. - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở. - Yêu cầu HS trình bày, đổi vở soát bài. - GV nhận xét.	- HS đọc đề bài. - HS làm bài. - HS chữa bài, nhận xét. - Lắng nghe.	Slide Bảng phụ
	Bài 3: Viết đoạn văn (3 - 5 câu) về một địa điểm du lịch hoặc khu di tích lịch sử mà em biết, trong đó có sử dụng từ ngữ nối để liên kết câu. *Mục tiêu: HS rèn kĩ năng đặt câu, viết đoạn có sử dụng từ ngữ nối.	- GV gọi HS đọc và phân tích đề. - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở. - Yêu cầu HS trình bày, đổi vở soát bài. - GV nhận xét.	- HS đọc đề bài. - HS làm bài. - HS chữa bài, nhận xét. - Lắng nghe.	Slide Bảng phụ
3'	3. Vận dụng, trải nghiệm *Mục tiêu: Hệ thống hoá, tổng kết kiến thức.	- Con được ôn kiến thức gì qua tiết học hôm nay? - GV nhận xét tiết học. - GV dặn dò HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.	- HS nêu - HS lắng nghe	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

PHIẾU BÀI TẬP

Bài 1: Chọn từ ngữ (*cuối cùng, tiếp theo, sau đó, đầu tiên*) vào chỗ trống để tạo sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn sau:

(1) Chúng tôi chuẩn bị nguyên liệu để làm bánh. (2) __, chúng tôi trộn bột mì với nước và trứng. (3) __, bột được nhào kỹ để tạo thành một khối mịn. (4) __, chúng tôi bắt đầu cho bánh vào khuôn và nướng. (5) __, bánh được lấy ra và để nguội trước khi ăn.

Bài 2: Điền từ ngữ nối thích hợp để liên kết câu.

a. Vào mùa hè, nhiều người thích đi biển. __, họ có thể tắm nắng và chơi các trò chơi thể thao dưới biển.

b. Đến Hà Nội, du khách có thể tham quan các di tích lịch sử. __, họ còn có thể thưởng thức ẩm thực đặc trưng của nơi đây.

c. Các món ăn của miền Bắc rất đa dạng. __, chúng còn mang đậm hương vị của đất trời Hà Nội.

d. Cảnh vật ở vùng cao luôn thu hút du khách. __, mọi người còn muốn tìm hiểu về văn hóa và con người nơi đây.

Bài 3: Viết đoạn văn (3 - 5 câu) về một địa điểm du lịch hoặc khu di tích lịch sử mà em biết, trong đó có sử dụng từ ngữ nối để liên kết câu.